

SỐ 1796

# ĐẠI TỖ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỞ

*A-xà-lê Nhất Hạnh ghi chép*

## QUYỂN 1

### **Phẩm 1: NHẬP MÔN CHÂN NGÔN TRỤ TÂM**

#### **1. Giải thích chung về Đức Tỳ-lô-giá-na thành Phật:**

Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật thần biến gia trì:

Tiếng Phạm Tỳ-lô-giá-na là tên khác của mặt trời, nghĩa là nghĩa trừ tối khắp sáng; nhưng mặt trời ở thế gian thì có giới hạn, nếu chiếu ở bên ngoài thì không thể chiếu đến bên trong, sáng ở bên này thì không đến bên kia; lại chỉ sáng ban ngày thì không sáng ban đêm; ánh sáng trí tuệ Như lai thì không phải như vậy, có công năng chiếu sáng khắp tất cả mọi nơi, không có trong ngoài, nơi chốn, ngày đêm khác nhau.

#### **2. Nêu ví dụ:**

a) Ví dụ một: Lại nữa, sự vận hành của mặt trời ở cõi Diêm-phù-đề, khiến tất cả cây cối, lùm rừng, tùy theo phần tánh của chúng đều được lớn thêm, các công việc ở thế gian nhờ đó được thành tựu. Ánh sáng Đại Nhật Như lai chiếu khắp pháp giới, cũng khai phát các gốc lành cho vô lượng chúng sinh một cảnh bình đẳng, cho đến sự nghiệp thế gian, xuất thế gian đều được tốt đẹp, đều do đây mà thành tựu.

b) Ví dụ hai: Lại như mây dày tối tăm che khuất mặt trời thì, cũng không phải mặt trời bị mất đi. Gió lớn thổi mây đi thì ánh sáng mặt trời hiện ra, cũng không phải mặt trời mới sinh, mặt trời tâm Phật cũng như

thế, dù bị mây dày vô minh, phiền não, nói suông che lấp, nhưng mặt trời tâm Phật vẫn không bị giảm, rớt ráo tướng thật các pháp Tam-muội tròn sáng không bờ bến, vẫn không làm tăng thêm. Do các nhân duyên như thế, mặt trời thế gian không thể ví dụ, chỉ lấy một phần nhỏ tương tự kia, cho nên phải thêm chữ Đại vào, mà gọi là “Đại Tỳ-lô-giá-na”.

### 3. Giải thích:

a) Thành Phật, tiếng Phạm đầy đủ phải nói là thành Tam-bồ-đề. nghĩa là Chánh giác chánh tri, nghĩa là dùng trí như thật, biết rõ quá khứ, vị lai, hiện tại số chúng sinh chẳng phải số chúng sinh, hữu thường, vô thường... Tất các pháp đều hiểu biết rõ ràng, nên gọi là Giác; mà Phật tức là giác, cho nên văn lược, chỉ là nói thành Phật.

b) Thần biến gia trì: Xưa dịch là thần lực che chở, hoặc được Phật che chở, nhưng ở đây (Đức Phật) tự chứng Tam-bồ-đề, vượt ngoài tất cả tâm địa, hiểu rõ các pháp vốn bất sinh, đó là chỗ “lời nói đều rớt ráo, tâm hành cũng vắng lặng”. Nếu xa lìa năng lực oai thần của Như lai thì dù Bồ-tát Thập địa cũng không đạt đến cảnh giới kia, huống chi những người còn trong sinh tử.

### 4. Ý nghĩa của Đức Thế-tôn:

Bấy giờ, Đức Thế-tôn vì nguyện đại bi từ thuở trước, mà nghĩ rằng: Nếu ta chỉ trụ trong cảnh giới như thế thì các hữu tình không thể nhờ đó mà được lợi ích. Vì thế Như lai trụ ở thần thông tự tại gia trì Tam-muội, khắp vì tất cả chúng sinh, chỉ bày các đường để vui mừng thấy thân, nói các tánh dục để ưa thích nghe pháp, tùy theo các tâm hành khai mở pháp môn quán chiếu, nhưng sự ứng hóa này không từ thân, hoặc miệng, hoặc ý của Tỳ-lô-giá-na sinh ra, trong bất cứ thời gian, không gian, bờ mé sinh diệt đều không thật có. Ví như nhà ảo thuật, gia trì năng lực chú thuật vào cổ thuốc hiện ra những việc chưa từng có, cảnh năm căn đối diện làm vui tâm chúng sinh, nếu bỏ gia trì thì sau đó mất đi. Huyền ảo của Như lai Kim Cang cũng giống như vậy, duyên hết thì diệt, cơ khởi thì sinh, ngay nơi sự mà chân không có cùng tận. Vì thế nói thần lực che chở kinh; nếu theo bản Phạm thì nên nói đủ là Đại Quảng Bác Kinh Nhân-đà-la Vương.

### 5. Giải thích danh từ:

Nhân-đà-la Vương là Đế-thích: nói kinh này là kho bí yếu của tất cả Như lai, là oai tức đặc biệt tôn quý trong các giáo pháp Đại thừa, giống như Thiên Mục là người đứng đầu Thích Thiên, nay sợ đề kinh quá rộng cho nên không nêu đủ.

Phẩm Nhập môn Chân ngôn Trụ Tâm: Bản Phạm có đủ hai đề:

1. Phẩm Tu Chân Ngôn Hạnh.
2. Phẩm Nhập môn Chân ngôn Trụ Tâm.

Trộm nói nghĩa của nhập trụ gồm cả tu hành, do văn rườm rà nên chỉ để một đề mà thôi.

Chân ngôn: Tiếng Phạm là Mạn-đát-la, tức là chân ngữ, nhưngữ, không vọng, không khác.

Thích Luận của ngài Long Thọ nói là Bí mật hiệu, xưa dịch là Chú, không phải dịch đúng.

### **6. Phẩm này nói chung về đại ý của kinh:**

Phẩm này nói chung về đại ý của kinh, cái gọi là tự tâm chúng sinh, tức là trí Nhất thiết trí, hiểu rõ như thật, gọi là Nhất thiết trí giả, vì thế ở đây dạy các Bồ-tát, chân ngôn là môn, tự tâm phát Bồ-đề, tức tâm đầy đủ muôn hạnh, tâm thấy Chánh đẳng giác; tâm chứng Đại Niết-bàn, phát khởi tâm phương tiện, cho nên nói: Phẩm Nhập môn Chân ngôn Trụ Tâm.

Nhập môn Chân ngôn lược có ba việc:

1. Thân mật môn.
2. Ngữ mật môn.
3. Tâm mật môn.

Việc ấy dưới đây có nói rộng. Hành giả dùng ba phương tiện này, để tự thanh tịnh ba nghiệp, thì được Tam-muội của Như lai che chở, cho đến có thể ngay trong đời này, đầy đủ Ba-la-mật, không cần trải qua nhiều kiếp số, tu hành đầy đủ các hạnh đối trị, do đó trong Đại Phẩm chép: hoặc có Bồ-tát khi mới phát tâm, liền bước lên địa vị Bồ-tát không lui sụt, hoặc có khi mới phát tâm, liền được Vô thượng Bồ-đề, thường xoay bánh xe pháp, ngài Long Thọ cho rằng như đi đường xa, người cỡi xe dê mà đi thì lâu mới đến, người đi xe ngựa còn hơi nhanh, nếu người nương thân thông thì trong khoảnh khắc khởi tâm liền đến chỗ muốn đến, không được nói trong thời gian khởi làm sao mà đến được.

Tướng thân thông như thế không được sinh nghi, là ý chỉ sâu kín của kinh này.

### **7. Đi vào văn kinh:**

**Kinh chép:** Tôi nghe như vậy:

Một thời, Bạc-già-phạm, trụ trong cung pháp giới Như lai gia trì năm nghĩa đầu của kinh, như trong luận Trí Độ có nói rộng, nhưng bản Phạm kinh này, thiếu không có tựa chung, Sa-môn Nhất Hạnh nói đại bản Tỳ-lô-giá-na, có mười muôn bài kệ, vì sâu rộng nên khó tu trì, bậc Thánh truyền pháp, phải dò xét tông yếu kinh này, gồm hơn ba ngàn

bài tụng, văn nghĩa hành pháp của chân ngôn lược bỏ cả, vì không phải bản chính của Đại kinh nên không nêu tựa chung; nay so sánh thì chẳng tổn hại gì cho nghĩa .

#### **8. Nghĩa của Bạc-già-phạm:**

Bạc-già-phạm: các vị Luận sư giải thích đầy đủ gồm có sáu nghĩa, nay trong tông này, Bạc-già-phạm có nghĩa là Năng Phá, như người cầm vũ khí sắc bén thường hàng phục được kẻ thù. Những bản khác không có danh từ này, có nhiều bản bạc xét sự tích ngài, nên hiệu là Năng phá.

Thế-tôn cũng như thế, dùng ánh sáng trí tuệ rộng lớn, phá tất cả phiền não, vô minh của thức tâm, những thứ này vốn tự vô sinh, cũng chẳng tướng mạo, nhưng khi mặt trời trí tuệ xuất hiện thì bóng tối hoặc nghiệp tự tan biến, vì thế gọi là nghĩa phá. Thích luận cũng chép: Bà-già dịch là Phá, Bà dịch là Năng phá, Phật có khả năng phá thâm, nộ, si nên gọi là Bà-già-bà.

Hàng Nhị thừa tuy phá ba độc cũng không hiểu rõ hết. Như vật đựng hương thơm thì vật đó có mùi thơm . Lại như đốt cháy cây cỏ, dùng sức yếu kém thì tro than không hết; Như lai như vào kiếp lửa đốt cháy, tất cả đều cháy hết, không khói, không tro, nên gọi là Bà-già-bà.

#### **9. Dẫn luận:**

Lại nữa, Đế-thích Thanh Luận cho rằng người nữ là Bạc-già, nghĩa là muốn tìm nhân duyên để dứt bỏ phiền não, lại có nghĩa là từ đó sinh ra. Kim Cương Đảnh Tông thì dịch nghĩa này là: Người nữ tức là Bát-nhã Phật Mẫu, người có trí kiến vô ngại, đều từ đó sinh ra, họ có chí cầu nhân duyên được tương ứng, mọi phiền não nói suông đều dứt hẳn, khác với dục vọng thế gian nóng bỏng, chỉ tạm dừng trong chốc lát, mà thật ra lại càng thêm. Vì Mật Giáo không thể nói thẳng ra được, nên thường diễn tả bằng ẩn ngữ như vậy. Người học nên suy nghĩ từng thứ một.

Lại, Bạc-già-phạm tức là đối hữu thanh, như người có nhiều tiền của, gọi là người giữ gìn tài sản, do có vàng, nên gọi là người giữ vàng; Như lai vì có đủ các đức tốt đẹp nên gọi là Trì chúng đức.

**Thích Luận cũng chép:** Bà-già dịch là đức, Bà dịch là Có, do đó Bà-già-bà dịch là có đức.

Lại, Bà-già dịch là danh thanh, Bà dịch là Có, vì thế Bà-già-bà dịch là hữu danh thanh. Tất cả thế gian không ai có đức thanh danh như Phật, chính là nghĩa ấy.

#### **10. Bạc-già-phạm cũng dịch là Thế-tôn:**

Trong kinh thường dịch là Thế-tôn, đó là từ dùng để khen ngợi (khen ngợi) công đức, theo ngữ pháp Tây Vực, khi nói về người nào thì phải có từ tôn xưng, không dám nói thẳng tên vị ấy ra, trước phải khen ngợi công đức của họ, như nói: Đại trí Xá-lợi-phất! Thần thông Mục-kiền-liên, Đầu-đà Đại Ca-diếp, Trì luật Ưu-bà-ly... cho nên trong kinh này gọi là Bạc-già-phạm Tỳ-lô-giá-na. Ở đây cũng thuận theo văn pháp Trung quốc mà đặt ra danh từ Thế-tôn ở dưới.

**Kinh chép:** Bạc-già-phạm trụ Như lai gia trì: Bạc-già-phạm: tức là Bản địa pháp thân Tỳ-lô-giá-na.

### **11. Nói về Như lai:**

Kế là nói: Như lai, là thân gia trì của Phật, chỗ ở của Như lai gọi là thân thọ dụng của Phật, tức thân này là chỗ ở gia trì của Phật. Tâm vương của Như lai, các Đức Phật an trụ mà an trụ trong đó, đã từ năng lực gia trì khắp mọi nơi sinh ra, tức là không hai không khác với pháp thân vô tướng, lại dùng thân lực tự tại giúp tất cả chúng sinh thấy dung mạo mật thân, nghe lời mật ngữ, ngộ pháp mật ý, tùy theo căn tánh họ mà chia ra các thứ khác nhau, tức chỗ ở này gọi là chỗ Gia trì.

### **12. Nói về chỗ ở:**

Lại nữa, giải thích khen ngợi gia trì chỗ ở, nên gọi là Quang đại kim cang pháp giới cung. Đại: là không có bờ mé, Quảng: là không thể tính đếm đo lường, Kim cang: là dụ cho trí tướng thật, vượt qua tất cả đạo lý lời nói tâm hành, thích hợp với Vô sở y, không chỉ bày các pháp, không có đầu, giữa, sau, không tận cùng, không hư hoại, là các tội lỗi, không thể thay đổi, không thể phá hủy, nên gọi là Kim cang.

### **13. Ví dụ như vật báu Kim cang:**

Như vật báu Kim cang ở đời, có ba tính chất quý:

1. Không thể phá hư.
2. Hơn hết trong các thứ báu.
3. Quý nhất trọng các khí cụ chiến tranh.

Ba thứ này so sánh với ba thứ Kim cang Tam-muội trong Thích Luận, ý phần lớn giống nhau.

Pháp giới là trí thể Kim cang rộng lớn, trí thể này, có chỗ nói là tướng thật trí thân Như lai, dùng để gia trì, tức là công đức chân thật dùng để trang nghiêm chỗ ở, Cảnh tâm vương khéo trú gọi là Cung, cung này là nơi các vị Cổ Phật thành “Đạo”, có chỗ nói là cung trời Ma-hê-thủ-la.

**Thích Luận chép:** Năm chỗ ở Na-hàm trong thiên thứ tư, gọi là trời Tịnh Cư vượt qua cõi đó, có chỗ ở của Bồ-tát Thập Trụ, cũng gọi

là Tịnh Cư, tên là Đại tự tại Thiên vương. Nay Tông này nói về nghĩa, vì thần tâm tự tại gia trì nương gá nên gọi là cung Tự tại Thiên vương. Nghĩa là tùy theo chỗ Như lai có ứng, đều là cung này, không chỉ có người đã ra ngoài ba cõi, tất cả người trì Kim cang đều đến nhóm họp.

**14. Nói về quyền thuộc tốt:**

Kế là nói quyền thuộc tốt. Như lai ở trong cung này, là ở một mình hay có quyền thuộc? Do đó nói trong đây có vô biên quyền thuộc thường đến nhóm họp, cái gọi là Chấp kim cang...

Tiếng Phạm là Phạt-chiết-la Đà-la, Phạt-chiết-la: là chà Kim cang. Đà-la: nghĩa là cầm nắm, giữ gìn, vì thế xưa dịch là Chấp kim cang, nay dịch là Trì kim cang, được cả hai cách giải thích sâu cạn, đối với nghĩa là hơn, cho nên tùy văn xen vào lời ấy.

**15. Nói về ấn Kim cang:**

Nếu theo thường tình của thế đế thì nói là Sinh thân Phật, thường có năm trăm vị Thần Chấp kim cang kính trọng đi theo hầu hạ, nhưng mật ý của tông này thì Phạt-chiết-la là Trí ấn kim cang của Như lai, như thế trí ấn kia số không đếm được người có khả năng giữ gìn ấn này thì lại có rất nhiều (vô biên). Vì sao? Vì chỗ tâm vương đã trú, chắc chắn có nhiều tâm sở như cát bụi, lấy làm quyền thuộc. Nay tâm vương Tỳ-lô-giá-na tự nhiên thành giác ngộ, bấy giờ tất cả tâm sở đều nhập vào cảnh Kim cang, thành trí ấn Như lai nội chứng công đức khác nhau, Trí ấn như thế, chỉ Phật và Phật mới giữ gìn được. Y theo nghĩa Bồ-đề thì có vô lượng, vô biên trì Kim cang ấn, Y theo nghĩa Phật đà thì có vô lượng, vô biên Trì kim cang, do các đức này, đều một tướng một vị đến chỗ mé thật, nên gọi là nhóm họp. Nếu có chút phần nào chưa bình đẳng, một pháp nào chưa đầy đủ thì không được gọi là tất cả nhóm họp. Nhưng dùng thần lực tự tại để gia trì thì từ tâm vương Tỳ-lô-giá-na hiện ra thân tôn đặc gia trì, bấy giờ vô lượng pháp môn quyền thuộc, mỗi vị đều hiện thân Chấp kim cang, hiển phát oai thế lớn mạnh của Như lai. Ví như Đế-thích tay cầm Kim cang, đánh tan quân Tu-la, nay các Chấp kim cang này, cũng giống như vậy, mỗi vị theo một môn, cầm khí vũ Đại không chiến đấu, có công năng phá hoại phiền não vô tướng cho chúng sinh, vì thế so sánh nhau.

Như lai tín giải du hý thần biến sinh, đại lâu các Bảo vương, cao không có chính giữa hay ngoài bìa, dùng các thứ tốt đẹp sang quý tô điểm trong đó, thân Bồ-tát làm tòa Sư tử, Đại chúng đã nhóm họp lẽ ra có chỗ nói pháp, cho nên kế là nói lầu gác để ở và tòa Sư tử.

**16. Nói về Tín giải:**

Tín giải là bắt đầu từ chân chính phát tâm cho đến thành Phật, ở khoảng giữa đó gọi chung là địa Tín giải. Tiếng Phạm là Vy-ngật-lý-ní-đa là nghĩa là hơn hở dạo chơi, thần biến, nghĩa là từ khi mới phát tâm đến nay, trồng nhiều gốc lành, khởi các hạnh nguyện, trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sinh, thường tiến lên cao hơn, không có dừng nghỉ, tức là nghĩa vượt lên.

Như người ca múa chuyển động, có thể dùng thân, miệng, ý một cách khéo léo làm cho mọi người vui khắp, vì thế sự vượt lên này được gọi là dạo chơi, dạo chơi như thế tức là thần thông tự tại của Bồ-tát. Nói Tỳ-lô-giá-na khi còn hành Đạo Bồ-tát, dùng năng lực Tam-muội nhất thể nhanh chóng, cúng dường vô lượng Thiện tri thức, thực hành hết vô lượng các độ môn, pháp tự lợi lợi tha đều đầy đủ, nếu được như thế thì trí báu Như lai sẽ nhóm thành, bí mật trang nghiêm pháp giới lâu quán, cao hơn tất cả đối với tất cả thật báo sinh ra, giống như Chân-đà ma-ni đứng đầu các thứ báu, vì thế nói du hí thần biến sinh ra lâu gác Bảo vương, cao rộng vô cùng, phải biết rộng khắp không ranh giới, vì ngoài bìa không thật có, nên ở giữa cũng hông thật có, đây thì khắp tất cả xứ thân đều là chỗ ở, phải biết lâu quán như vậy ở cùng khắp tất cả nơi chốn.

**17. Nói về tướng lâu gác trang nghiêm:**

Kế là nói tướng lâu gác trang nghiêm, giống như có người dùng các thứ kim cang nhiều màu sắc để tô điểm kim cang, nhưng thể tánh của nó không có khác nhau, ở đây cũng vậy, lại dùng các thứ công đức quý báu của Như lai, để tô điểm lâu gác Bảo vương. Vì sao? Vì không có pháp nào xuất ra tánh báu như thế; Nhưng tướng vắng lặng bậc nhất, dùng Thần lực che chở của Như lai, khiến người đáng độ, tùy theo pháp môn là biểu tượng, nếu thấy, nghe, tiếp xúc, hiểu biết được thì lấy đây làm cửa mà vào pháp giới. Như nhân duyên Đồng tử Thiện Tài vào cung điện Di-lặc.

**18. Thân Bồ tát làm tòa sư tử:**

Trong đây nên nói rộng thân Bồ-tát làm tòa Sư tử; trên nói cung Kim cang pháp giới tức là thân Như lai, sau nói về lâu gác lớn Bảo Vương, cũng chính là thân Như lai. Nay nói tòa Sư tử, nên biết cũng vậy. Sở dĩ nói thân Bồ-tát là vì khi còn hành đạo Bồ-tát, theo thứ lớp tu hành “Địa Ba-la-mật” cho đến Địa thứ mười một. Phải biết Địa sau lấy Địa trước làm nền tảng, vì thế nói Như lai dùng thân Bồ-tát làm tòa Sư tử.

**Thích luận chép:** Ví như sư tử ở trong các loài thú bước đi một



mình mà không lo sợ, Phật cũng như vậy, ở trong chín mươi sáu thứ ngoại đạo, hàng phục tất cả không sợ hãi, nên gọi là Sư Tử trong loài người, chỗ Như lai ngồi, dù trên giường hay dưới đất, đều gọi là tòa Sư tử.

Nay nghĩa trong tông này nói: Sư tử là tâm Bồ-đề mạnh mẽ, từ khi phát tâm đến nay, được tiến lên thế lực rộng lớn, không yếu hèn, giống như sư tử hể con gì bị chúng bắt thì nhất quyết là được không để mất, tức là nghĩa tùy ý cứu người không luống uổng, nếu giải thích lược qua, nói rằng thâm tâm kính pháp của các Bồ-tát, cho đến dùng thân làm tòa Sư tử để mang đội Phật, nên gọi là thân Bồ-tát làm tòa Sư tử. Kim cang kia gọi là Hư không vô cấu Chấp kim cang, cho đến Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ, các bậc Thượng thủ như thế, trong mười cõi Phật chúng trì, Kim cang nhiều như số cát bụi đều đông đủ, và các Bồ-tát như Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù, Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Cái Chướng... Các Đại Bồ-tát vây quanh trước sau mà nói pháp, kể là nói về chúng cùng nghe.

#### **19. Hỏi đáp về nói trước:**

Hỏi: Kinh do Phật nói, vì sao nói về chỗ ở của quyển thuộc trước?

Đáp: Ví như vua trong một nước nếu có mệnh lệnh về việc hành chính, thì trước phải ra khỏi triều đình rồi đặt ra và phán quyết hình phạt, khen thưởng, lúc bấy giờ quan chép sử ghi rằng: Thời gian nào đó, nhà vua ở chỗ nào đó, cùng các vị đại thần nào đó hội họp luận bàn, có mệnh lệnh như thế, muốn cho người trong nước tin phục vâng hành không còn nghi ngờ. Đấng Pháp Vương cũng giống như vậy, khi sắp nói pháp lớn, chắc chắn ở giữa chúng Đại Bồ-tát quyển thuộc để chứng minh, đó là lý do khiến người nghe sinh tín, do tâm kính tin, mới nhập vào pháp như thế, được tu hành chứng đắc, lại càng sinh tín, cho nên trước nêu chúng.

#### **20. Nói về các vị chấp Kim cang:**

1) *Hư không vô cấu Chấp kim cang*: tức là thể của tâm Bồ-đề, là tất cả sự tranh chấp nói rộng, giống như hư không trong sáng không bị ngăn che, không dơ, không nhiễm, cũng không phân biệt, tâm như vậy chính là Kim cang trí ấn, người trì được ấn này gọi là Hư không vô cấu Chấp kim cang.

2) *Lại nữa, Hư không du bộ Chấp kim cang*: Du Bộ là nghĩa bất trụ, thắng tấn, thần biến, với tâm Bồ-đề thanh tịnh, đối với tất cả pháp đều không chấp đắm, thường tiến tu muôn hạnh, phát sinh thần thông rộng



lớn, nên gọi là Hư không du bộ.

3) *Lại nữa, Hư không vô cấu Cháp kim cang*: tức là hạt giống bình đẳng của tự môn A, tu hạnh vô trú, ví như dùng phương tiện gieo trồng, mầm rễ dần dần mọc lên, cho nên kể là nói về khai hành ấn Kim cang.

4) *Thứ ba, Hư không sinh Cháp kim cang*: như mầm mống đã mọc, bốn đại, thời tiết là duyên, hư không chẳng chướng ngại, niệm niệm thấm nhuần nuôi lớn, tâm Bồ-đề cũng vậy, Vô sở đắc là phương tiện, muôn hạnh làm duyên, sinh được chân thật, cái gọi là Đại không sinh, nên gọi là Hư không sinh.

5) *Thứ tư, bị tạp sắc y Cháp kim cang*: như mầm mống lớn lên, cành, lá, hoa, thật dần lớn lên, cây tâm Bồ-đề nở hoa muôn đức cũng vậy, do đó nói đủ các màu sắc.

Lại nữa, dùng các mẫu pháp giới nhuộm tâm Bồ-đề Vô cấu này, thành Mạn-trà-la đại Bi, cho nên gọi là bị tạp sắc y.

6) *Thứ năm, Thiện hành bộ Cháp kim cang*: Chữ Thiện, tiếng Phạm là Tỳ-chất-đa-la, có các nghĩa: đoan nghiêm, hạt giống. Ví như đã được trái, trở lại làm hạt giống.

Khéo bước đi: là oai nghi của các Đức Phật, là khéo biết thời nghi đáng độ không đáng độ, các việc thông suốt, bíp lấp... dùng phương tiện thân, miệng, ý, để ứng với các căn cơ chúng sinh, trong khuôn phép tà vọng đều thành Phật sự, cho nên lấy làm tên.

7) *Thứ sáu, là trụ nhất thiết pháp bình đẳng Cháp kim cang*: nghĩa là trụ trong tánh bình đẳng của tất cả các Đức Phật, là tất cả pháp nhân quả, tự tha, hữu vi, vô vi... nhập vào trí Như thật này đều rốt ráo bình đẳng, đồng một thật tế, do trì được trí ấn này, nên lấy đó làm tên.

Nhưng năm câu ở trên cũng đều là công đức chân thật của Như lai không có sâu cạn khác nhau, vì muốn phân biệt giúp cho người dễ hiểu, cho nên làm thứ lớp để nói mà thôi.

8) *Thứ bảy, ai mãn vô lượng chúng sinh giới Cháp kim cang*: thương xót này còn gọi là cứu giúp, nghĩa là đã trụ trong pháp tánh bình đẳng thì tự nhiên đối với tất cả chúng sinh, phát tâm đồng thể thương xót, cảnh giới các loài chúng sinh vô lượng cho nên tâm đại bi ấy cũng không có hạn lượng, đây là một trong các công đức của Như lai, vì thế người hành trì, do đó lấy làm tên.

9) *Thứ tám, Na-la-diên lực Cháp kim cang*: đã phát tâm thương xót, nếu đầy đủ thế lớn mạnh thì sẽ cứu giúp được, cho nên kể là nói trong kinh so sánh sức mạnh sáu mươi con voi, không bằng sức mạnh một con

Hương tượng, cho đến cuối cùng sức mạnh Na-la-diên là hơn hết; mỗi lỗ chân lông của sinh thân Phật đều bằng sức mạnh Na-la-diên, do đó thân pháp giới dụ cho sức mạnh của Na-la-diên.

10) *Thứ chín, Đại Na-la-diên lực Chấp kim cang*: nghĩa là giữ gìn năng lực thần thông bí mật, như Nhất-xiển-đề ắt chết nhanh chóng, hàng Nhị thừa thật tế làm người chứng đắc rồi chết, các Đức Phật là bậc Y Vương thấy rõ tánh Như lai thì chắc chắn là như Sư Tử rống, đối với nhân duyên cứu giúp, tâm không hèn nhát, các Bồ-tát còn không thể như như, cho nên lại nói không chung với tất cả sức mạnh của Đại Ma-la-diên.

11) *Thứ mười, Diệu Chấp kim cang*: Diệu gọi là không còn ai sánh bằng, còn có nghĩa là không ai hơn, giống như đề hồ ngon ngọt cùng cực, không thể thêm nữa, thường không thay đổi, không xen, không tạp. Như lai cũng vậy, tất cả công đức, đều không ai sánh bằng, không ai vượt hơn, việc làm trong các cõi cũng chỉ vì một việc nhân duyên này, do đó gọi là Diệu Chấp kim cang.

12) *Thứ mười một, Thắng Tấn Chấp kim cang*: Thắng nghĩa là Đại Không, Đại không là Biến nhất thiết xứ, cho nên có khả năng khởi thần thông nhanh chóng. Người nương trụ ở đây, khi vừa phát tâm liền thành Chánh giác, không động sinh tử mà đến Niết-bàn, nên gọi là thắng tấn.

13) *Thứ mười hai, Vô Cấu Chấp kim cang*: tức là lìa tất cả thứ che lấp tâm Bồ-đề; ví như thể tánh vàng thật hoàn toàn trong sạch, nếu dùng các cách nung luyện các thứ báu, mài ngọc, lại sáng đẹp hơn thì biết được chất ban đầu, còn lẫn lộn các hạt cát bụi, có khả năng giữ gìn Kim cang trong sạch rốt ráo này, do đó lấy làm tên.

14) *Thứ mười ba, Nhận tấn Chấp kim cang*: Chữ Nhận này tiếng Phạm là sự giận dữ trong sự giận dữ, sự bén nhọn trong sự bén nhọn, dịch nghĩa giống như dao nhọn, giữ gìn trí Kim cang sắc bén này thì tất cả chỗ khó dứt trừ đều dứt trừ hết, chỗ khó tiêu diệt thủy tiêu diệt sạch, vì thế lấy làm tên.

15) *Thứ mười bốn, Như lai giáp Chấp kim cang*: Như lai giáp: là đại từ, dùng đây trang nghiêm thân che chở chúng sinh, thực hành Phật sự, không bị tất cả phiền não làm tổn thương, còn hàng phục được những hạng người thô ác, cho nên lấy làm tên.

16) *Thứ mười lăm, Như lai cú sinh Chấp kim cang*: Cú gọi là chỗ ở tức là Đại không sinh; công đức tự chứng của các Đức Phật, từ tánh Như lai sinh ra, gia trì thân này, từ Như lai tự chứng công đức sinh ra, do

không lia “tự môn A nên gọi là Như lai cú sinh”.

17) *Thứ mười sáu, Trụ vô hý luận Chấp kim cang*: chính là trụ tuệ Đại không, nghĩa là quán tướng thật duyên khởi, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng đoạn, chẳng thường, cũng không có đến đi, một, khác, đó là chỗ dứt những lời nói rộng, pháp như Niết-bàn, giữ trí ẩn như thế, cho nên lấy đó làm tên.

18) *Thứ mười bảy, Như lai Thập lực sinh Chấp kim cang*: tức là trí phương tiện của Đức Phật, diệu quyền như thế từ chỗ nào sinh ra? Nghĩa là từ mười Trí lực của Như lai sinh ra, giữ ẩn này, cho nên được lấy làm tên.

19) *Thứ mười tám, Vô Cấu Nhãn Chấp kim cang*: tức là ngũ nhãn của Như lai, vì tâm Bồ-đề rất ráo thanh tịnh, nên dùng tất cả cách quán sát tất cả pháp, biết rõ kiến, văn, giác, tri không hề chướng ngại, có thể trì Kim cang ẩn như thế, cho nên lấy làm tên.

20) *Thứ mười chín, Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ*: Tiếng Phạm Bá-ni, tức là bàn tay nắm giữ, chưởng trì Kim cang và thủ chấp nghĩa giống nhau, cho nên trong kinh hai danh từ xen nhau nêu bày. Ẩn-độ cho Dạ-xoa là bí mật, vì thân, miệng, ý của nó nhanh chóng ẩn mật khó có thể biết được; xưa dịch hoặc nói mật tích hoặc lược nói nghĩa cạn cợt thì Bí Mật Chủ tức là vua Dạ-xoa, cầm chày Kim cang thường theo che chở Đức Phật, nên gọi là Kim Cang Thủ. Như trong đó có nghĩa sâu sắc.

### **21. Thân, ngữ, ý bí mật của Như lai:**

Nói Dạ-xoa tức là thân, ngữ, ý bí mật của Như lai, chỉ có Phật và Phật mới biết được, cho đến Bồ-tát, Di-lặc... đối với thần thông bí mật ấy, năng lực vẫn chưa bằng, bí mật nhất trong các bí mật, cái gọi là vua của tâm bí mật, đó gọi là Bí Mật Chủ, có khả năng trì ẩn này nên gọi là Chấp kim cang. Các vị Thượng thủ như thế nhiều như số cát bụi trong mười cõi Phật cầm chày Kim cang nhóm họp đầy đủ; nếu còn bản Phạm, sẽ nêu tên ở dưới, mỗi vị đều có tiếng tăm rộng lớn, lẽ ra gọi là Hư không vô cấu... hư không du bộ... cho đến Bí Mật Chủ... Vì sao? Vì các vị Thượng thủ Chấp kim cang này mỗi vị đều có Vô lượng bộ loại quyến thuộc, Đại bản vẫn còn đủ. Nhưng nói chung cương yếu kia thì cành ngọn đều theo, đối với các Tông thường dùng thì không đáng thiếu.

### **22. Nói về số lượng các Đức Như lai:**

Nói như số cát bụi của mười cõi Phật: là Trí ẩn khác nhau của Như lai, số ấy vô lượng, chẳng thể dùng toán số ví dụ mà biết được, lại dùng mười trí lực Như lai, mỗi trí lực hợp với số cát bụi trong một cõi Phật,

để tiêu biểu số chúng nhóm họp. Nghĩa thế giới hải, thế giới tánh, cho đến nghĩa một cõi Phật, như trong Thích Luận có nói rộng. Nhưng vì công đức nội chứng của Tỳ-lô-giá-na này được gia trì cho nên từ mỗi trí ấn đều hiện thân Chấp kim cang, hình sắc tánh loại, đều hiện ra bên ngoài. Mỗi vị tùy theo duyên tánh dục của mình, để dẫn dắt nhiếp hóa chúng sinh. Nếu những người tu hành siêng năng tu tập thì sẽ khiến cho ba nghiệp đồng với Bốn tôn, từ một môn này được vào pháp giới, tức là khắp nhập vào tất cả pháp giới môn.

### **23. Nêu chúng Bồ tát:**

Kế là nêu chúng Bồ-tát, suy tôn bốn Thánh làm Thượng thủ; trước nói các vị Chấp kim cang vốn là trí ấn Như lai, nay Bồ-tát này nghĩa gồm định tuệ lại gồm Từ bi, cho nên được tên riêng, cũng là công đức nội chứng của Tỳ-lô-giá-na. Như Chấp kim cang số chúng nhiều như cát bụi trong mười cõi Phật, nên biết các Bồ-tát, pháp môn tương đối, cũng có chúng nhiều như cát bụi trong mười cõi Phật, để gia trì, đều được từ một môn pháp giới, hiện thành một thân Thiện tri thức.

Lại, Bát-nhã Thích Luận nói: Khi sinh thân Phật thành đạo, A-nan Mật Tích Lực sĩ... gọi là nội quyền thuộc, các vị Thánh như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... và các Bồ-tát không lui sụt như Di-lặc, Văn-thù, các Bồ-tát một đời Bồ xứ, gọi là Đại quyền thuộc. Ở đây nói thân gia trì của Phật cũng vậy. Các vị Chấp kim cang đều giữ mật ấn Như lai, gọi là nội quyền thuộc, các Bồ-tát do tâm đại Bi dùng phương tiện phổ môn, che chở vô lượng chúng sinh, giúp cho Pháp Vương, làm việc Như lai, gọi là đại quyền thuộc. Vì thế, Kinh Đại phẩm chép: Muốn làm nội quyền thuộc, muốn được đại quyền thuộc của các Đức Phật, phải học “Bát-nhã ba-la-mật”.

1) *Bồ-tát Phổ Hiền*: Phổ là cùng khắp tất cả mọi nơi; Hiền là rất tốt đẹp, nghĩa là tâm Bồ-đề đã khởi nguyện hạnh và thân, miệng, ý đều bình đẳng khắp tất cả mọi nơi, tốt đẹp thuần nhất đầy đủ các đức, nên lấy đó làm tên.

2) *Bồ-tát Từ Thị*: là bốn tâm vô lượng của Phật. Ở đây lấy chữ Từ làm đầu; từ này là từ trong giòng họ Như lai sinh ra, có công năng giúp cho tất cả thế gian không ngừng dứt nhà Như lai, đó gọi là Từ Thị.

Ở trên nói Phổ Hiền, là đức tự chứng bản nguyện đã mãn, muốn giáo hóa chúng sinh cho được đạo này, nên kể nói sau.

3) *Bồ-tát Diệu Cát Tường*: nghĩa là trí tuệ vô thượng của Phật, giống như đề hồ thuần tịnh bậc nhất.

4) *Thất-lợi*, Hán dịch là Cát tường nghĩa là đầy đủ các đức; hoặc

dịch là Diệu Đức, cũng dịch là Diệu âm, nghĩa là dùng năng lực đại Từ bi giảng nói pháp mầu, giúp cho tất cả đều nghe, cho nên nói sau ngài Di-lặc.

5) *Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Cái Chướng*: chướng là các thứ tâm cấu của chúng sinh, làm che mắt thanh tịnh Như lai, không thể mở sáng, nếu dùng pháp Vô phân biệt, dứt trừ các lời nói rộng, giống như mây sương tan biến thì mặt trời hiện ra trong sáng, cho nên nói Trừ cái chướng, việc làm của Như lai trong các cõi, đều vì một việc nhân duyên này, cho nên nói sau Bồ-tát Diệu Âm.

#### **24. Bát nhã phải có thiên định:**

Lại nữa, người tu hành, tuy học Bát-nhã ba-la-mật, nhưng nếu không Thiên định thì vẫn như người mù, dù gặp ánh sáng mặt trời cũng không thấy được, cho nên sau Văn-thù Diệu Tuệ liền nói tam-muội Trừ cái chướng. Bốn vị Bồ-tát này là bốn đức của thân Phật, nếu có thiên lệch sai sót thì không thể thành Vô thượng Bồ-đề, cho nên nêu trên hết. Để gom chung các đức nhiều như cát bụi. Các vị Đại Bồ-tát, nêu đây đủ tiếng Phạm, thì lẽ ra nói là Ma-ha Bồ-đề Tát-đỏa.

**Thích Luận chép:** Bồ-đề là đạo của các Đức Phật, Tát-đỏa dịch là chúng sinh, hoặc dịch là tâm mạnh mẽ, người này đã dứt hết tham dục, được công đức của các Đức Phật, tâm đó không thể dứt bỏ, không thể phá hoại, như núi Kim cang, ấy gọi là Tát-đỏa.

#### **25. Nói về Bồ đề tát-đỏa:**

Lại nữa, người này tâm có thể làm việc lớn, không lui sụt không lay động, tâm mạnh mẽ, đối với nhiều chúng sinh, khởi đại Từ bi thành lập Đại thừa, có khả năng thực hành đạo lớn, được chỗ cao nhất, cho nên chắc chắn nói pháp, phá được tất cả các thứ phiền não như tâm đại tà kiến, đại ái, đại ngã... do đó gọi là Ma-ha Tát-đỏa.

A-xà-lê nói: Y theo nghĩa đúng, thì phải nói là Bồ-đề Sách-đá, Sách-đá, này nghĩa là chịu đựng, ưa thích tu hành, giữ vững không xả bỏ, nhưng Thanh minh có pháp như thế. Nếu nói về văn tự, nghĩa ấy tuy đúng, mà âm vận không lưu thông thuận tiện thì được lấy đặt vào cho tiện nên Thế luận sư cho là Tát-đỏa, các vị trao truyền, học tập thuận theo lời văn kia.

#### **26. Có ba thứ Tát-đỏa:**

Theo tông Du-già thì Tát-đỏa lược có ba thứ:

1) *Ngu Đồng Tát-đỏa*: Phạm phu trong sáu đường không biết nhân quả của thật đế, tâm hành tà đạo, tu tập nhân khổ, đắm mê ba cõi, chấp chặt không xả, nên lấy đó làm tên.

2) *Hữu thức Tát-đỏa*: là hàng Nhị thừa, vừa mới biết được lỗi lầm tai hại của sự sinh tử, tự cầu ra khỏi, được đến Niết-bàn, đắm mê “hóa thành”, nghĩ là diệt độ, đối với công đức Như lai không sinh tâm ưa thích phát nguyện, nên lấy đó làm tên.

3) *Bồ-đề Tát-đỏa*: Vô thượng Bồ-đề, vượt ngoài tất cả các thứ tội lỗi suy đoán, nói rộng, như thế hoàn toàn thuần thiện trong sạch không thể hiểu rõ nghĩa đại khái, tức là bản tánh chúng sinh là tâm không thể suy nghĩ bàn luận, có khả năng chịu đựng việc thành đạo như thế, nguyện muốn tu hành bền vững không lay động, cho nên gọi là Bồ-đề Sách-đá.

### **27. Các căn cơ hội hợp nghe pháp:**

Người có công nghiệp lớn lao như thế, có khả năng chuyển trao cho tất cả chúng sinh, nên gọi là Ma-ha Tát-đỏa. Các Đại chúng này, vây quanh trước sau Như lai Đại nhật dùng vô lượng thân, miệng, ý cung kính cúng dường, để nghe pháp.

Kế là nói khi các căn cơ hội hợp để nghe pháp, tức kinh cho rằng ngày Như lai vượt ba thời gia trì. Thân, miệng, ý, cú pháp môn ba bình đẳng. Nhưng kinh này truyền khắp Diêm-phù-đề, lược có mười muôn bài kệ, nếu Đại chúng nhiều như cát bụi trong mười cõi nước, mỗi vị đều nói rộng pháp môn thân, miệng, ý khác nhau thì không có hạn lượng, thời phần nói pháp này, phải (làm) thế nào? Cho nên người kết tập nói: Bây giờ, trú ở Phật nhật mà giảng nói pháp, như thời phần ở thế gian thì có quá khứ, hiện tại, vị lai, kiếp lượng dài ngắn các thứ khác nhau.

### **28. Nói về ba phần đầu, giữa, cuối:**

Hơn nữa, y theo sự vận hành của mặt trời trong bốn Thiên hạ (bốn đại châu) thì một châu ngày đêm đều có sơ phần, trung phần và hậu phần (ba phần đầu, giữa, cuối) cho đến ba mươi thời... sát-na không dừng, thay nhau xô đẩy, dùng mắt thanh tịnh quán sát, tướng ba đời hoàn toàn không thật có, không đầu không cuối, cũng không đến không đi, đấy là mặt trời thật tướng, tròn sáng thường trú, vắng lặng như hư không, chẳng có thời phần dài ngắn khác nhau. Nhưng nhờ thần lực của Phật giúp hành giả Du-già sống trong vô lượng kiếp cho là như thời gian một bữa ăn, hoặc cho thời gian một bữa ăn là vô lượng kiếp, dài ngắn tự tại đều thích ứng với các căn cơ, tướng Vô định là thật có cho nên nói mặt trời Như lai.

Trong thời gian này Phật nói pháp gì? Đó là ba câu pháp môn bình đẳng thân, miệng, ý. Nói ba nghiệp... của Như lai, đều đến cảnh giới thật tế mẫu nhiệm bậc nhất, thân... bình đẳng với ngữ, ngữ bình đẳng



với tâm, giống như biển lớn, khắp mọi nơi chốn đồng một vị mặn, nên gọi là bình đẳng.

**29. Nói về cú:**

Cú: Tiếng Phạm là Bát-đàm dịch đúng là Túc (Chân) Thanh Luận nói là nghĩa tiến hành, chỗ ở, như người giở chân, hạ chân thì chỗ dấu chân in gọi là Bát-đàm. Nói từ “Cú đậu” nghĩa cũng như vậy, cho nên đồng một tên mà thôi. Nay y theo tông này, nói tu theo đạo lý, lần lượt tiến tu, được trú ba bình đẳng, gọi là cú. Chính vì dùng thân, miệng, ý bình đẳng bí mật giá trị, làm chỗ nhập môn, nghĩa là dùng mật ấn thân bình đẳng, chân lời nói bình đẳng, diệu quán tâm bình đẳng làm phương tiện, để thấy được thân gia trì Dụng thân, thân gia trì Dụng thân này, tức là thân Tỳ-lô-giá-na biến nhất thiết, thân biến nhất thiết, chính là trí thân bình đẳng của hành giả.

**30. Đại ý kinh này là nhập môn bình đẳng:**

Cho nên, người trụ ở thừa này, vì không làm mà làm, không đến mà đến, nên gọi là bình đẳng cú, tất cả chúng sinh đều nhập vào đó, mà thật không thể nhập, không có chỗ nhập, nên gọi là bình đẳng, pháp môn bình đẳng, là đại ý của kinh này.

**31. Bồ tát Phổ hiện:**

Lúc ấy, Bồ-tát Phổ Hiện là người đứng đầu, các vị Chấp kim cang Bí Mật Chủ làm người đứng đầu, được Đức Phật Tỳ-lô-giá-na gia trì nên hăng hái, thị hiện thân kho Vô tận trang nghiêm, cho đến các loài hữu tình nghiệp thọ chủng trừ, lại có mầm mống sinh khởi, nghĩa là sắp nói pháp môn bình đẳng này, cho nên trước dùng tự tại gia trì làm cảm động đại chúng, đều hiện cảnh giới phổ môn bí mật trang nghiêm, là việc chưa từng có, không thể suy nghĩ bàn luận, do người kia nghi hỏi mà giảng nói thì người nghe càng thêm tin ưa, thâm nhập ý nghĩa lời nói, như phần tựa kinh Pháp Hoa, nhân duyên phẩm Tùng Địa Động Xuất, trong đây sẽ nói rộng.

**32. Phổ Hiện Bí mật chủ:**

Lại nữa, Phổ Hiện Bí Mật Chủ... các vị nhân giả thượng thủ, tức là trí thân khác nhau của Tỳ-lô-giá-na, đối với cảnh giới như thế, thông đạt đã lâu, nhưng các Thiện tri thức các môn giải thoát này hiện ra, mỗi vị đều dẫn dắt vô lượng chúng đương cơ đồng vào pháp giới Mạn-đồ-la, vì nhiều lợi ích như vậy nên mới nhập pháp môn thực hành hạnh Bồ-tát. Như lai gia trì, hăng hái thị hiện năng lực thần thông rộng lớn, như Sư tử đầu đàn khi muốn rống lên thì chắc chắn trước thân nó phải ra sức, tỏ ra sức mạnh rồi mới phát ra tiếng, Như lai cũng như vậy, khi muốn làm



Sư tử rống thì chắc chắn phải giảng nói tất cả Trí môn, vì thế trước hăng hái thị hiện kho vô tận trang nghiêm. Cái gọi là trang nghiêm: nghĩa là từ một thân bình đẳng, hiện khắp tất cả oai nghi, oai nghi như thế, đều là mật ấn, từ một lời bình đẳng, khắp hiện tất cả âm thanh, âm thanh như thế, đều là chân ngôn; từ một tâm bình đẳng, khắp hiện tất cả Bồ-tôn, Bồ-tôn như thế, đều là Tam-muội. Nhưng mỗi tướng ba nghiệp khác nhau này, đều không bờ mé, không thể đo lường, nên gọi là Vô tận trang nghiêm.

### **33. Dẫn kinh:**

Kinh Như lai Bí Mật Tuệ chép: Bồ-tát Trừ Cái Chướng ở trong pháp hội, muốn biết lượng thân Phật, bèn nhờ Đại Mục-kiền-liên tìm, Mục-liên lên đến cung điện Phạm thiên vẫn còn thấy Như lai như ở trước mắt. Oai nghi thân Phật, âm thanh nói pháp vẫn như cũ không khác, cho đến tất cả thần lực của Mục-liên, đi đến cõi Phật phương khác, cũng không khác cung điện Phạm thiên.

### **34. Thần lực của Như lai:**

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng và Mục-kiền-liên, không thể đo lường, các ngài tự đến quán sát, trải qua mười phương mỗi phương thế giới nhiều như số cát sông Hằng, đều thấy Như lai, không rời khỏi chỗ ngồi vẫn giảng nói pháp, cho đến tất cả thần thông thế lực của các ngài vòng quanh hết mười phương cũng như vậy, sau đó lại trở về, mới thấy Trừ Nghi Thiên nữ cách Phật không xa, thấy nhập vào Tam-muội, liền khởi niệm rằng: Ta nghe nói Thiên nữ này, thông đạt Vô lượng môn Tam-muội, ta phải quán sát xem hiện giờ Thiên nữ đang trụ trong định nào, lại dùng hết tâm lực quán sát, không thể đo lường chỗ tâm kia đã hành, nhóm họp vô lượng chiếc trống trời, mỗi trống đều cao lớn như núi chúa Tu-di, dùng thần lực cùng một lúc phát ra âm thanh, muốn làm cho Thiên nữ xuất định mà không thể được, cho đến Đức Phật dạy: Khi ta chưa phát tâm Bồ-đề thì Thiên nữ đã có khả năng trụ trong Tam-muội này, chính là nghĩa không bờ mé.

### **35. Thân Tỳ-lô-giá-na trùm khắp:**

Tỳ-lô-giá-na như thế khắp ở tất cả các thế giới trong mười phương mỗi phương đều hiện thân che chở của Phật, mỗi thân ấy, đều có mười cõi Phật như số cát bụi... các đại chúng Bồ-tát Kim cang, đại chúng này các căn tướng tốt đẹp, cũng lại vô biên, nhiều như dầu mè, đầy khắp pháp giới ở giữa hư không chẳng có chỗ hở, lại như nhà vua có kho chứa lớn, nếu muốn chuyên chở người thì tự do mở ra bày khắp, nên nói là kho trang nghiêm.

Lại nữa, các đại chúng này, chỉ nhờ năng lực oai thần Phật, nên được thấy cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận như thế, nếu Như lai bỏ sự gia trì thì không hiện ra được, không phải chỗ giới hạn tự tâm của các vị ấy đạt đến được. Nếu hành giả bên trong tu Tam-muội Ban-chu, ở ngoài trông mong thần lực che chở thì có thể dùng sinh thân do cha mẹ và thấy các Đức Phật mười phương.

### **36. Nêu ví dụ:**

Như vào ban đêm trời trong không có mây ngược nhìn thấy các sao, nghe được pháp âm rõ ràng không chướng ngại. Nhưng cảnh giới này, do tâm hành giả thanh tịnh mà sinh hay do Phật che chở mà sinh? Nếu do nội tâm tức là từ tự tánh sinh, nếu do Phật lực thì từ tha tánh sinh tất cả không khác ý nghĩa bàn luận của ngoại đạo, chỉ là do tự tha đều không, hòa hợp cũng không, lại đều do nhân duyên mà được thành tựu. Vì sao? Vì trong nhân ngoài duyên hề thiếu cái nào thì không hiện tiền, phải biết tướng trang nghiêm như thế, khi đến không từ chỗ nào, khi đi cũng chẳng về đâu, rốt ráo bình đẳng không ra ngoài Như...

### **37. Dẫn Kinh:**

**Kinh chép:** Không từ thân, hoặc ý, hoặc ngữ của Phật Tỳ-lô-giá-na sinh ra, tất cả mọi nơi bờ mé sinh diệt không thật có, nhưng tất cả nghiệp thân, ngữ, ý của Tỳ-lô-giá-na, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian ở cõi hữu tình, giảng nói pháp Chân ngôn Đạo cú, đây là xoay vần giải thích kho trang nghiêm của Phật, sở dĩ không cùng tận, không giới hạn, là vì không khác thân trùm khắp mọi nơi, thường trụ bất diệt của Như lai, tùy thường không khởi diệt nhưng có thể dùng tất cả ba nghiệp, đến khắp tất cả mọi nơi, bất cứ lúc nào trong ba đời, mười phương, nói đạo tối thật, giáo hóa chúng sanh, phép tắc của bậc thầy giúp tâm họ đến với Phật đạo.

**Kinh chép:** Lại hiện dung mạo của Chấp kim cang, Bồ-tát Phổ Hiền, Liên Hoa Thủ... khắp trong mười phương, giảng nói Chân ngôn đạo thanh tịnh cú pháp, cái gọi là mới phát tâm cho đến Thập Địa thứ lớp ở đây sinh đầy đủ, duyên nghiệp sinh nhiều lên loài hữu tình nghiệp loại, hạt giống tuổi thọ hoại, lại có mầm chồi sinh khởi, lại nhiều tướng trước, ý nói, không những thị hiện thân Phật, đủ khắp tất cả các thế giới trong mười phương, mà còn hiện thân Bồ-tát Kim cang... cũng dùng khắp tất cả mọi nơi, hơn nữa, như số cát bụi trong mười cõi Phật, các Bồ-tát Chấp kim cang... thân miệng tâm ấn khác nhau không đồng, như thế mỗi hình loại quyến thuộc của Bốn tôn, đều như Tỳ-lô-giá-na, đầy đủ tất cả thế giới trong mười phương, như lưới trời Đế-thích giao

xen không ngăn ngại.

**38. Nêu ba vị Thánh để tôn xưng người đứng đầu:**

Nay lược nêu ba vị Thánh, là để tôn xưng người đứng đầu. Chấp kim cang ứng với môn Kim cang trí tuệ, là phương tiện hàng phục, Phổ Hiền ứng với môn pháp thân Như Như, là phương tiện tiêu tai. Quán Âm ứng với môn Tam-muội Liên hoa, là phương tiện tăng ích, nêu ba điểm này thì vô lượng diệu dụng không thể suy nghĩ bàn luận, đều đã thu nhiếp ở trong đó, cho đến chư thiên tám bộ chúng, các tiên đấng năm thứ Thần thông, bên ngoài hiện Mạn-trà-la để biểu thị, so sánh rất dễ hiểu.

Các thứ nhân duyên như thế, vô số phương tiện phổ môn ứng hiện giáo hóa chúng sinh, tuy sâu cạn, thô tế khác nhau, nhưng nghiên cứu sự thật kia đều bí mật gia trì, mỗi mỗi đều mở bày tri kiến thanh tịnh Như lai, nếu xa lìa ấn tượng thật như thế thì ngoài ra đều từ ác kiến sinh ra, kết làm bè bạn với Thiên ma ngoại đạo, đâu được gọi là cú nghĩa thanh tịnh ư?

Kế lại giải thích rằng cái gọi là câu Thanh tịnh ức là nương thân thông đốn ngộ thành Phật. Như Bồ-tát ở các thừa khác, chí cầu Bồ-đề vô thượng, bao nhiêu cần cù gian khổ không tiếc thân mạng, trải qua vô số A-tăng-kỳ kiếp, hoặc có vị thành Phật, hoặc có vị không thành Phật.

**39. Vượt lên địa vị Phật:**

Nay Bồ-tát của môn chân ngôn này, nếu có thể không thiếu phép tắc, phương tiện tu hành, cho đến sinh ở trong đây, đờn thấy cảnh giới vô tận trang nghiêm che chở, không chỉ hiện ra trước mắt mà thôi, nếu muốn vượt lên địa vị Phật liền đồng với Như lai Đại Nhật thì cũng có thể đến được.

Lại nữa hành giả, khi mới phát tâm được nhập tự môn A, tức là từ Kim cang tánh của Như lai sinh ra đầu mối, phải biết đầu mối của mầm móng này, xoay chuyển tiến lên, không còn có nghĩa lui sụt, cho đến thành Bồ-đề, không hành, có thể thêm lên, sau đó mới dừng dứt, cho nên nói thứ lớp đời này đầy đủ.

Trong đây, thứ lớp: Tiếng Phạm nghĩa là bất trụ, tinh tấn, biến hành. Nghĩa là mới phát tâm muốn nhập vào giai vị Bồ-tát đối với Pháp yếu chân ngôn này làm phương tiện tu hành, được đến Sơ địa.

**40. Vượt lên Địa thứ ba:**

Bấy giờ, tâm Vô sở trụ tiến lên không dừng, ấy là đầy đủ Địa thứ hai, lại y theo pháp yếu chân ngôn làm phương tiện tu hành, được đến

Địa thứ ba, lúc ấy, đem tâm Vô sở trụ tiến lên không dừng, được đến Địa thứ tư; lại y vào pháp yếu chân ngôn, được nhập vào Địa thứ năm, như thế lần lượt, cho đến đầy đủ Thập địa, chỉ dùng một hạnh, một đạo, mà thành Chánh giác.

Nếu nhập vào môn phương tiện khác để mở bày ý sâu kín thì cũng đều không lia thừa báu như thế.

Duyên nghiệp mà sinh: Nghĩa là vì nhân duyên si ái của hữu tình, thân, miệng, ý tạo ra các thứ nghiệp không thanh tịnh, luống dối, nương các nghiệp như thế thân sinh trong sáu đường, làm cho luân hồi thêm dài, chịu đủ các khổ.

Nay tu môn tuệ thanh tịnh ba nghiệp bình đẳng, tất cả các uẩn, nghiệp thọ hạt giống trong A-lại-da, thấy đều đốt sạch, được đến tâm Đại Bồ-đề như Hư không vô cấu, hạt giống bình đẳng của tất cả Như lai, từ trong Bi tạng nảy mầm pháp tánh, cho đến cành, lá, hoa, quả đầy khắp các pháp giới, thành cây Bồ-đề chúa, nở ra hoa muôn đức, nhưng quán sát theo nghĩa Tứ Bất Sinh thì đều không sinh khởi, cũng không có chỗ khởi, phải biết sinh này tức là Đại không sinh, cho nên nói nghiệp thọ hạt giống của loài hữu tình, được dứt trừ thì lại có mầm giống sinh khởi.

#### **41. Thần lực thị hiện của Phật:**

Lại nữa, Như lai hiện ra các thiện tri thức và môn pháp giới số nhiều như cát bụi trong mười cõi Phật, dù cho lần lượt xem nghe thì vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ kiếp không thể rộng khắp, nhờ mặt trời Phật che chở cho nên như khoảng thời gian ngồi trong hội thấy đều hiện ra trước mắt; chính là sắp nói kinh này, thị hiện tướng tốt, thần thông không thể suy nghĩ bàn luận, như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi xem thấy sợi lông trắng soi chiếu một muôn tám ngàn cõi nước, các thứ nhân duyên của các Bồ-tát đều hành đạo Bồ-tát, liền biết các Đức Phật muốn nói kinh Pháp Hoa bỏ quyền bày thật. Phải biết Kim Cang Thủ... cũng như vậy, thấy khắp thế giới gia trì, chỉ nói pháp môn bình đẳng, liền biết Như lai sắp nói giáo nương khắp tất cả, tự tâm thành Phật. Cho nên lời hỏi ở văn dưới là nương theo đây mà sinh.

#### **42. Chấp Kim cang Bí Mật Chủ thưa hỏi Phật:**

Bấy giờ, Chấp kim cang Bí Mật Chủ, ngồi trong chúng hội kia, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế-tôn! Vì sao Như lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri được trí Nhất thiết chủng trí? Cho đến trí tuệ như thế, lấy gì làm nhân? Thế nào là căn? Làm sao rốt ráo?

Trí Như lai tự chứng, dù cho dùng thần lực che chở, cũng không

thể chỉ bày cho người thấy, trước nói ra năng lực thị hiện kho Vô tận trang nghiêm, đều là dấu vết của công dụng bên ngoài. Người trí thấy ngọn ngành thì dụ với tông bản, như thấy dấu vết con voi hơn nhiều loài thú. Chỗ nó dẫm đến lại sâu rộng hơn, dù không thấy hình dáng nó, phải biết con voi này thân lực phải lớn, lại như sấm chớp mưa gào, làm cho chim thú bị rúng động mà chết, trăm sông chảy xiết hoại núi lở đồi, tuy không lường nguồn gốc của nó, nhưng biết ngay được thế lực của rồng này chắc chắn lớn mạnh.

Nay các đại chúng cũng như vậy, dùng quán thân miệng, ý Vô tận, của Như lai, có thể cùng lúc ứng khắp với chúng sinh trong pháp giới, khéo thích hợp với căn cơ, trở thành Phật sự thì biết trí lực Như lai, chắc chắn trong một niệm, xem xét khắp gốc ngọn, nhân duyên của các căn cơ rốt ráo không ngăn ngại, nương theo quyền tục mà còn như thế, huống chi khế hiệp cảnh giới chân thật kia thì sẽ như thế nào? Nếu pháp không như thế thì có dấu vết nhỏ để tìm; ta đã thấy hết như vậy, không biết pháp này từ đâu mà được, cho nên Chấp kim cang do tâm nghi của chúng hội mà hỏi Đức Phật rằng: Vì sao Như lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đắc trí Nhất thiết trí này.

#### **43. Giải thích danh từ Như lai:**

Tiếng Phạm lời Đát-tha Yết-đa: Đát-tha là Như; Yết-đa là Lai, hiểu biết, nói, đi, như các Đức Phật nương đạo như thật, đến thành Chánh giác, nay Phật cũng đến (lai) như thế, nên gọi là Như lai, tất cả các Đức Phật, hiểu biết tương thật đúng như pháp, hiểu rồi cũng như tương thật các pháp, vì chúng sinh mà nói, nay Đức Phật cũng như vậy, nên gọi là biết Như thật, cũng gọi nói đúng như thật, tất cả các Đức Phật được tánh an vui như thế, thẳng đến Niết-bàn, nay Phật cũng đi như thế, nên gọi là như khứ. Thích Luận gồm có bốn nghĩa, nhưng xưa dịch Đa là Như lai, Giới Bản của Hữu Bộ nói như khứ, ý của A-xà-lê là như khứ, như thuyết. Nay lại thuận theo đề xưa.

#### **44. Giải thích danh từ A-la-hán:**

Tiếng Phạm là A-la-ha: A-la là phiền não, Ha là hại, là dứt trừ, Thích luận nói là Sát tặc (giết giặc). Đức Phật dùng áo giáp nhẫn nhục, tinh tấn, cưỡi ngựa giữ giới, cung định, tên tuệ, ngoài phá ma quân, bên trong giết giặc phiền não, vì thế lấy đó đặt tên; lại A là bất, La-ha là sinh, nghĩa là hạt giống trong tâm Phật, không sinh trong ruộng đời sau, thoát ra lớp vỏ vô minh.

Lại nữa, A-la-ha là nghĩa xứng đáng thọ cúng dường vì có công đức như thế, lẽ ra được sự cúng dường cao nhất của trời người, vì thế

lấy đó làm tên.

**45. Giải thích danh từ chánh kiến Tri:**

Bổn Phạm là Tam-miêu Tam-phật-đà, Tam-miêu là Chánh, Tam là Biến, Phật-đà là Tri, do đó gọi là Chánh Biến Tri. Thích luận chép: Nếu có người nói vì sao chỉ có Phật như thật thuyết, Như lai, như khứ, xứng đáng được thọ sự cúng dường tối thượng ư?

Vì Đức Phật đắc trí tuệ chánh biến (trí tuệ chân chính trùm khắp. Chánh là tướng không động, không hoại của các pháp, Biến là không vì một pháp, hai pháp, cho nên biết tất cả pháp không có dư sót, ấy gọi là Tam-miêu Tam-phật-đà. Nhưng trong tông này, Phật-đà là Giác, nghĩa là mở bày, nghĩa là do trí tuệ tự nhiên, biết khắp tất cả pháp, như hoa sen nở tròn không có dơ bẩn, cũng có công năng mở bày cho tất cả chúng sinh, vì thế gọi là “Phật”.

**46. Giải thích danh từ Tát-bà-nhã:**

Tiếng Phạm là Tát-bà Nhã-đa, tức là trí Nhất thiết trí. Thích Luận chép: Tát-bà-nhã tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết nghĩa là Vô lượng pháp môn như danh sắc... mỗi thứ đều nhiếp tất cả pháp, như thế vô lượng ba, bốn, năm, sáu... cho đến A-tăng-kỳ pháp môn nhiếp tất cả pháp, trong tất cả pháp này thì đối với tất cả pháp như tướng một, tướng khác, tướng lậu, tướng phi lậu, tướng tác, tướng phi tác... mỗi tướng, mỗi mỗi lực, mỗi nhân duyên, mỗi quả báo, mỗi tánh, mỗi đắc, mỗi thất, tất cả năng lực trí tuệ, tất cả đời, tất cả chủng loại, đều hiểu biết khắp, đó gọi là Tát-bà-nhã.

**47. Trí nhất thiết trí:**

Nay nói trí Nhất thiết trí tức là trí ở trong trí, không phải chỉ dùng tất cả thứ biết khắp tất cả pháp, cũng biết pháp ấy rốt ráo, thật tế, tướng thường không hư hoại, không thêm, không bớt, giống như Kim cang, cảnh tự chứng như thế, người nói không có lời nói, người nhìn không thấy được, không giống như quả Am-na-lặc trong lòng bàn tay, có thể trao cho người, nếu có thể dùng lời nói truyền trao cho người thì khi Bồ-tát Thích-ca được Đức Phật Định Quang thọ ký lẽ ra phải thành Phật ngay. Vì sao tu đủ phương tiện, phải đợi không thấy tự giác, mới gọi là Phật?

**48. Nêu ví dụ:**

Lại như nhìn thấy người đời, bị gươm đao, gậy gộc làm tổn thương, tuy tin người kia chịu khổ không thể nghi ngờ, nhưng nói cho nghe các việc rồi cũng không bao giờ chứng biết, nếu tự thân mình trực tiếp chịu khổ thì mới biết được rõ ràng. Ý nói rằng, vì sao giúp chúng ta... có

được trí tuệ tự giác như thế, vì sao được tuệ này rồi, thì có khả năng vì vô lượng chúng sinh, giảng nói phân bố khắp nơi, tùy theo các đường, các thứ tánh dục, các thứ phương tiện, giảng nói trí Nhất thiết trí, cái gọi là an lập vô lượng thừa, thị hiện vô lượng thân, mỗi việc giống như lời nói kia, trụ trong oai nghi kia, nhưng đạo lý Nhất thiết trí này vẫn cùng một vị, đó là vị giải thoát của Như lai, phương tiện mầu nhiệm này làm sao mà chứng được.

#### **49. Các thứ đường:**

Trong đây, các thứ đường. Tiếng Phạm là Na-diên, cũng dịch là hành, cũng dịch là Đạo, Hán dịch là đạo Đại thừa... nghĩa đồng. Luận Tỳ-bà-sa chép: Có năm đạo, người tu theo Đại thừa (Ma-ha-diễn) thường nói sáu đường, như thế giảng rộng ra cho đến trong thế giới này có ba mươi sáu câu-chi đường chúng sinh, huống chi tất cả thế giới trong mười phương?

#### **50. Tánh dục:**

Tánh dục: Dục là ham muốn ưa thích, như Tôn-đà-la Nan-đà ưa năm dục, Đề-bà-đạt-đa thích tiếng tăm... cho đến những người đắc đạo cũng đều có sở thích, Đại Ca-diếp ưa thích hạnh Đầu-đà, Xá-lợi-phất thích trí tuệ, Ly-bà-đa thích ngôi thiền, Ưu-ba-ly thích hiểu biết luật, Anan thích học rộng v.v... sau sẽ nói rộng. Tánh gọi là chứa nhóm; tướng từ tánh mà sinh, dục tùy theo tánh mà thực hành, hoặc có khi từ dục thành tánh, tập dục thành tánh, tánh gọi là tâm nhiệm, tâm nhiệm làm việc dục gọi là theo duyên khởi, việc này trong Thích Luận có nói.

#### **51. Các đạo phương tiện:**

Chủng chủng phương tiện đạo: Bồ-tát Long Thọ dạy: Bát-nhã và phương tiện bản thể là một nhưng công dụng có khác. Ví như người thợ bạc, dùng phương tiện khéo léo, gia công vàng thành các phẩm vật khác nhau, tuy đều là vàng, nhưng mỗi món đều có tên khác.

Nay Tỳ-lô-giá-na cũng như vậy, có khả năng đem thể trí vàng ròng đến khắp mọi nơi, để tạo thành các thừa.

Lại nữa, ý hỏi trong đây, tức là phát khởi Đại bi thai tạng Man-trà-la. Trong tâm địa bình đẳng Tát-bà-nhã, vẽ thành Phật, Bồ-tát, cho đến Nhị thừa, tám Bộ chúng... tứ chủng đàn tròn pháp giới, mỗi tâm ấn thân ngữ của bản tôn này, đều là một loại Thừa khác nhau. Hơn nữa như có người chỉ cầu đạo trí năm thông, liền từ Đại bi thai tạng, hiện ra hình tướng Vi-đà, Phạm chí, nói cho nghe hành pháp chân ngôn như tiên Cù-đàm... hành giả tinh tấn không lâu thì thành vị tiên này, lại chuyển phương tiện, liền thành thân Tỳ-lô-giá-na, như thế, hoặc hiện thân Phật



nói các thứ thừa, cho đến hiện thân phi nhân nói các thứ thừa, tùy loại âm thanh hình tướng đều là chân ngôn mật ấn, hoặc lâu hoặc mau, đều là nhân duyên trống độc, cho nên kinh nói đều đồng một vị, đó gọi là vị giải thoát của Như lai.

**52. Trí nhất thiết trí lia tất cả phân biệt:**

Vì sao? Vì tướng thật sắc tâm của tất cả chúng sinh, từ bản tế xưa nay thường là trí thân bình đẳng của Tỳ-lô-giá-na, không phải khi đắc Bồ-đề, gắng gượng coi các pháp là không, mà thành pháp giới. Phật từ tâm địa bình đẳng tự khai mở kho Vô tận trang nghiêm Đại Mạn-trà-la rồi, lại phải mở bày tâm địa bình đẳng và kho Vô tận trang nghiêm Đại Mạn-trà-la cho chúng sinh, khéo léo cảm ứng, đều không ngoài tự môn A, phải biết nhân duyên cảm ứng sinh ra phương tiện, cũng không ra ngoài tự môn A. Ví như trong biển lớn, sóng mòi vô nhau thành năng sở, nhưng cũng đều cùng một vị, đó là vị mặn.

Lại nữa, Chấp kim cang nương thần lực Phật, vì muốn khai mở phương tiện bí mật Đại bi thai tạng nên lại nói năm thí dụ, đó là hư không, đất, nước, gió, lửa. Đầu tiên là thí dụ như cõi hư không lia tất cả phân biệt, vô phân biệt, chẳng phải vô phân biệt, trí Nhất thiết trí này lia tất cả phân biệt, vô phân biệt, chẳng phải vô phân biệt, đó tức là nghĩa trong Tỳ-bà-sa, hư không chẳng lỗi, chẳng đức, nay trí thân của Như lai lia tất cả lỗi, thành tựu muôn đức, làm sao ví dụ được? Chỉ lấy một phần nhỏ tương tự, hướng chỉ là đại không? Trong đây, so sánh có ba nghĩa:

- 1) Hư không rất ráo thanh tịnh.
- 2) Không có bờ mé.
- 3) Không phân biệt.

**53. Giống như hư không chẳng có phân biệt:**

Tánh của tất cả trí tâm cũng như vậy, vì thế dùng thế gian dễ hiểu không, thí dụ thì khó hiểu không. Trước nói lia tất cả phân biệt, tiếng Phạm là Kiếp-ba, sau nói vô phân biệt, tiếng Phạm là Kiếp-ba-dạ-đế, sở dĩ lặp lại, là vì trên sự phân biệt lại sinh nghĩa phân biệt, chẳng hạn như tâm, tứ, nếu xem qua loa thì gọi là tâm, xem xét kỹ gọi là tứ. Lại như khi nhãn thức sinh, có phân biệt qua loa, kể là ý thức sinh là phân biệt kỹ. Xưa dịch có chỗ cho Kiếp-ba là vọng chấp, ý vị dụ nói, giống như hư không chẳng có vọng chấp phân biệt, vô phân biệt, cũng chẳng phải vô phân biệt.

**54. Lại như hư không lia tướng hiển sắc, hình sắc:**

Lại như hư không lia các thứ tướng hiển sắc hình sắc, không có tạo

tác, nhưng có thể chứa đựng dung nạp muôn vật, tất cả cây cỏ nhờ đó mà sinh ra và lớn lên, sự nghiệp của hữu tình nương đây mà được thành tựu, trí Phật, hư không cũng như vậy, tuy lia tất cả tướng nhưng thường không sanh khởi phân biệt, mà vô lượng độ môn, các nghiệp tốt đẹp đều được thành tựu, do đó đem làm ví dụ.

**55. Trí nhất thiết trí là chỗ nương:**

Câu thứ hai nói: Ví như mặt đất tất cả chúng sinh đều nương ở, trí Nhất thiết trí cũng giống như thế, là chỗ nương của các trời, người, A-tu-la. Như ở thế gian trăm thứ lúa đậu, các cây thuốc, cây cối, lùm rừng, tùy theo tánh của nó chia thành vô lượng thứ khác nhau, đều từ mặt đất mà sinh mầm rễ, cho đến cành lá, hoa quả lần lượt thành tựu, được tất cả chúng sinh làm nơi nương ở và vun trồng chăm bón, mặt đất cũng không nghĩ rằng, nay ta gánh vác tất cả thế gian, không nghĩ ân đức, không có nhàm mỏi, tăng cũng không vui, giảm cũng không buồn, sâu rộng khó lường, không thể làm lay động; đất Nhất thiết trí cũng như vậy, đã sinh ra tất cả hạt giống đại Bi Mạn-trà-la, đây là chỗ vô lượng sự nghiệp của các Thừa nương ở, đối với sinh tử hay Niết-bàn tâm kia đều bình đẳng, tám thứ gió ở thế gian không thể làm xao động, lấy những phần nhỏ tương tự như thế, để làm ví dụ.

**56. Lửa đốt cháy củi, như lửa trí Như lai đốt sạch của phiền não:**

Câu thứ ba nói: Như lửa đốt cháy tất cả củi không biết thỏa mãn, trí Nhất thiết trí cũng như thế, đốt cháy tất cả củi không vô trí, mà chẳng biết thỏa mãn. Ví như ngọn lửa, giả sử chất củi đầy khắp thế giới, đều cao như núi chúa Tu-di, lần lượt đốt cháy không hề sợ hãi, không nghĩ rằng, ta sẽ đốt cháy củi ấy, không đốt cháy củi ấy, cháy mãi không dứt, càng dữ dội không thỏa mãn, đốt cháy hết rồi, sau đó diệt theo, lửa trí Như lai cũng như vậy, đốt sạch tất cả củi nói suông phiền não, cho đến duyên đối đãi đều hết, chính ánh sáng trí tuệ này cũng không có chỗ nương.

Lại nữa, như lửa ở thế gian, sang hèn đều dùng, có công năng chiếu sáng trong đêm tối, người lạc đường đều được nẻo chính, lại đều có công năng thành tựu tất cả các vật, lửa Nhất thiết trí này, bậc Thánh, phạm phu dị sinh đều có, trong đêm dài từ vô thủy, giúp các vị tu hành thấy đạo như thật, lần lượt thành tựu tất cả Phật pháp, do đó lấy làm thí dụ.

**57. Như gió thổi bụi giống như trí Nhất thiết trí thổi tam bụi phiền não:**

Câu thứ tư nói: Như gió thổi tan tất cả bụi, trí Nhất thiết trí này thổi tan tất cả bụi phiền não, như khi gió lớn nổi lên, khói, mây, bụi, sương tất cả đều tan biến, bầu trời rộng lớn trong xanh thì ba thân mặt trắng, mặt trời, sao hiện rõ, chúng sinh bị sự nóng bức ép ngặt đều được mát mẻ, làm cho cây cối, lùm rừng thêm lớn tốt tươi, cũng có công năng phá diệt tất cả loài vật. Lại như tánh gió cùng khắp không nương vào đâu, tự tại vận chuyển không gì làm trở ngại được, gió tuệ Như lai cũng như vậy, thổi tan tất cả chướng, các, bụi bặm phiền não, giúp chứng Niết-bàn pháp tánh trong mát.

Lại nữa, có công năng giúp cho tất cả pháp lành thế gian, xuất thế gian thêm lớn, phá diệt cây lớn vô minh, nhổ cả gốc rễ, nhưng năng lực không chướng ngại này đều không có chỗ nương cho nên làm ví dụ.

**58. Như nước rửa sạch, nước trí của Phật rửa sạch phiền não:**

Câu thứ năm nói: Ví như nước, tất cả chúng sinh vui vẻ nương ở, trí Nhất thiết trí này, làm lợi lạc cho các trời và người đời, như nước, từ cao chảy xuống thấp làm nhiều lợi ích, thấm nhuần cây cỏ để sinh hoa quả, lại nữa, bản tánh của nước trong sạch không dơ, không đục, đều giúp cho các chúng sinh đói khát được đầy đủ, rửa sạch cặn bã dơ bẩn, trừ hết nóng bức, lặn sâu khó vào, không thể đo lường, ở trong hầm hồ tánh đều bình đẳng, nước trí của Như lai cũng như vậy, từ pháp giới chân thật chảy đến thế gian, thấm nhuần các đẳng trì, sinh ra pháp trợ đạo, thành quả lớn lao, lợi ích chúng sinh, thể vô phiền não, cho nên trong sạch, lìa xa các hoặc do đó không dơ, một tướng không khác vì thế không vẫn đục, các hữu chứng đặc nguyện ấy mới dứt, được định trong mát rửa sạch trần lao, vắng lặng khó suy nghĩ, chứng tánh bình đẳng, vì thế lấy làm ví dụ, tức là phát khởi nghĩa năm chữ ở văn dưới đây.

**59. Nói về tự môn A:**

Tự môn A là đất, tự môn phước là nước, Tự môn La là lửa, Tự môn Hạ là gió, tự môn Khư là không, lại như hạt giống ở thế gian, đất nước gió lửa làm duyên, hư không chẳng chướng ngại, sau đó mới mọc lên, hễ thiếu một duyên nào thì không bao giờ lớn lên, tất cả hạt giống trí tánh của Như lai, cũng như vậy, liền dùng năm nghĩa tất cả trí môn để làm các duyên, có thể đến quả mẫu Bồ-đề thường trụ, tức là nhân duyên không sinh không diệt không thể suy nghĩ bàn luận.

Quán Kim Cang Thủ, biết chỉ Như lai có tướng Nhất pháp giới che chở, tâm đã suy nghĩ thì biết sẽ nói pháp môn như vậy. Trước ví dụ công đức kia, để phát khởi sự hiểu biết cho các căn cơ trong Đại hội, sau đó hỏi Phật trí tuệ ấy, lấy gì làm nhân, sao gọi là gốc rễ thế nào là

rốt ráo?

Từ đây về sau, trí ấn Như lai liền định tâm kia, phân biệt nói rộng. Ví như Bồ-tát Di-lặc, thấy điềm lành Thần thông của Phật, ngay khi ấy tâm có sự thắc mắc nghi ngờ; vì nói pháp sở đắc của đạo tràng này, được thọ ký Bồ-đề. Văn-thù phát huy danh, thể, chỉ ra rằng Diệu pháp mầu, sau đó Như lai dùng ấn thật tướng, dựa vào căn cơ giảng nói, giúp cho những người thường chấp chặt lia được lưới nghi. Ví như trời xuân mầm giống bắt đầu nứt vỏ, khi sấm sét nổi lên, nước mưa thấm đượm, thực vật lia được màng bao, sẽ nảy mầm, nếu người không có cơ duyên thì dù được gặp gỡ nhau, cũng không thể phát khởi lợi ích sâu xa được.

**60. Phật khen chấp Kim Cang khéo hỏi:**

Đức Phật Tỳ-lô-giá-na liền bảo Trì Kim Cang Bí Mật Chủ rằng: Lành thay, lành thay! Chấp kim Cang! Lành thay! Kim Cang thủ! Ông hỏi ta nghĩa như thế, ông hãy nghe kỹ, khéo léo tác ý, bây giờ ta sẽ nói, cho đến các pháp vô tướng, cho là tướng hư không.

Do Chấp kim Cang Thủ Bí Mật Chủ, lường trước ý sâu của Như lai gia trì, lại có khả năng phát khởi chúng đương thời, làm nhân duyên sinh hiểu biết, kính lờng Thánh tâm, không mất cơ hội, cho nên nói lại hai chữ lành thay; ta quán tất cả trời, người, Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến các Bồ-tát hạnh cạn thấp, không thể ở trước Đức Thế-tôn, phát ra lời hỏi như thế. Vì sao? Vì nghĩa trong ba câu này, đều nhiếp tất cả Phật pháp và những việc thần lực bí mật sâu xa. Lại khen rằng: Lành thay! Kim Cang thủ! Ông mới có thể hỏi ta nghĩa như thế do được lời nói lành thay của Như lai gia trì. Bây giờ, Kim Cang Thủ vô lượng công đức càng tăng lên, lại nói pháp đã lãnh thọ, hoàn toàn không sót mất, kể là liền dạy ông phải nghe kỹ, khéo léo tác ý, bây giờ ta sẽ nói, cũng vì chúng đệ tử ở đời đương lai, nói nghi thức thọ pháp này với tâm sâu xa mà thôi. Vì thế Thích Luận chép: Nếu người tâm tốt tin thẳng thì người ấy có khả năng nghe pháp, nếu không có việc ấy thì không thể hiểu biết. Như nói bài kệ rằng:

*Người nghe tâm thẳng như khát uống  
Nhất tâm nhập vào trong lời nghĩa  
Hơn hờ nghe pháp tâm buồn, vui  
Người như thế nên nói họ nghe.*

**Kinh Vô Tận Ý chép:** Dụng tâm nghe pháp có hai mươi ba câu công đức, đó là nói rộng.

**61. Hợp pháp:**

**Kinh dạy:** Phật bảo Kim Cang Thủ, tâm Bồ-đề là nhân, bi là gốc

rễ, phương tiện là rốt ráo, giống như hạt giống ở thế gian, nhờ bốn đại các duyên cho nên mọc rễ, cứ như thế lần lượt cho đến trái chín gọi là rốt ráo. Nhưng dùng trí trung đạo quán sát thì không hề sinh không diệt, cho nên nghĩa nhân quả thành tựu. Nếu pháp không như thế, có tướng sinh diệt, đoạn thường thì rơi vào nói rộng, thấy đều có thể phá, nghĩa nhân quả không thành. Nay hành giả quán tướng thật của tâm cũng giống như vậy, vượt ngoài tất cả nói rộng, thanh tịnh như hư không, bên trong chứng việc đã làm, được năng lực tín sâu, tâm Tát-bà-nhã vững bền không dao động, lìa nghiệp thọ sinh, thành tựu sinh chân tánh, muôn hạnh công đức từ đây thêm lớn, cho nên nói tâm Bồ-đề là nhân. Tâm Bồ-đề này, làm nhân hai câu sau. Nếu trong sinh tử, đã gieo trồng gốc lành thì gọi là quả, vì thấy tướng Phật pháp ở trước.

### **62. Nêu ví dụ:**

Ví như có người nghe Thiện tri thức nói: Nay trong nhà ông tự có vô lượng kho báu, phải tự siêng năng tu hành mà mở ra, có sức chu cấp cho cả nước, thường không thiếu thốn, người kia nghe rồi liền sinh tâm tin thật, đúng như lời nói mà thực hành, cho đến thì công không dứt, dần dần thấy tướng trước. Bây giờ, đối với kho báu công đức, lìa tâm nghi ngờ, sẽ phát khởi gia hành tốt đẹp, cho nên tâm Bồ-đề, tức là nghĩa tín tâm trong sạch. Thích luận cũng chép: Biển lớn Phật pháp tin thì vào được; như vua Phạm thiên khi thỉnh Phật xoay bánh xe pháp, Đức Phật dạy kệ rằng:

*Ta nay mở cửa vị cam lồ*

*Nếu người sinh tín được vui mừng v.v...*

### **63. Giải thích bài kệ:**

Trong bài kệ này không nói người bố thí, giữ giới, học rộng, nhẫn nhục, thiên định sẽ được vui mừng, chỉ nói người tín, ý Phật như vậy: Pháp của ta mâu nhiệm sâu xa bậc nhất, vô lượng vô số không thể suy nghĩ bàn luận, không lay động, không nương nhờ, không mê đắm, không có pháp để đắc, chẳng phải bậc Nhất thiết trí thì không thể hiểu, do đó lấy Tín lực làm đầu, chẳng phải do tuệ... mà vào Phật pháp được, vì khiến tín tâm thanh tịnh như thế bền vững thêm lên.

Trong kinh kể là nói đại bi làm gốc, gốc có công năng giữ gìn nghĩa giống như rễ cây giữ gìn cành, lá, hoa, quả, không để nghiêng đổ. Tiếng Phạm gọi bi là Ca-lô-noa, Ca nghĩa là khổ, Lô-noa là Diệt trừ. Từ như trồng lúa tốt, Bi như nhổ bỏ cỏ úa, vì thế trong đây nói Bi tức là nói gồm cả đại Từ, vả lại như khi hành giả tu cúng dường, hoặc dâng một cành hoa, hoặc hương hoa... liền dùng tâm Bồ-đề thanh tịnh trùm khắp

tất cả chỗ, nổi mây cúng dường khắp làm Phật sự, phát khởi bi nguyện hồi hướng cho chúng sinh, nhổ tất cả gốc khổ, ban Vô lượng vui, nhờ gốc lành của mình và năng lực pháp giới che chở của Như lai mà các nghiệp lành đã làm đều được thành tựu, tức là khắp tất cả trí địa cho đến cõi hữu tình vô dư, tất cả đều mọc rễ.

Tùy theo hành giả dùng tâm vô trú để tu muôn hạnh, tức là được đất đại Bi giữ gìn, lửa đại Bi đã ấp nóng, lửa Bi thấm nhuần, lửa đại Bi sinh mở phát, hư không đại Bi vô chướng ngại, bấy giờ, vô lượng độ môn nhậm vận khai phát. Giống như mầm rễ, lá, cành, thứ lớp trang nghiêm.

#### **64. Nói về phương tiện rốt ráo:**

Phương tiện là rốt ráo, nghĩa là muôn hạnh tròn đầy không thể tăng thêm nữa, quyền xảo thích ứng chúng sinh rốt ráo làm được việc, tức là quả mầu ba mật nguồn gốc Đề hồ.

Lại là tâm Bồ-đề thanh tịnh, giống như vàng thật, bản tánh sáng sạch, lia các chất dơ bẩn; đại Bi như học tập thợ khéo, dùng các thứ thuốc, các cách luyện chế, cho đến soi suốt mềm dẻo, cong thẳng tự tại; phương tiện như nghề khéo đã thành tựu, hễ chế tạo vật gì đều tùy ý thành tựu. Quyền trong quy chế hơn hẳn các tài nghệ, khéo được ý kia cũng khó truyền trao cho người. Như Ma-ha Bát-nhã chép: Các đạo phẩm như sáu độ, mười tám Không, Tam-muội, môn tông Trì... đều vào trong câu Đại bi, tức là quả trí Nhất thiết trí do muôn hạnh thành tựu.

Gọi là phương tiện, vì bên trong đầy đủ phương tiện, nghiệp của phương tiện tức là lợi tha, vì thế tiếng Phạm là Ổ-ba-na cũng dịch là phát khởi, như từ hạt giống sinh ra quả, quả trở lại thành hạt giống do đó lấy làm tên.

#### **65. Nói về Bồ-đề:**

**Kinh chép:** Này Bí Mật Chủ! Thế nào là Bồ-đề? Nghĩa là biết tự tâm như thật, tức là chỉ bày kho báu công đức của Như lai; như có người tuy nghe kho báu nên có tâm siêng tìm. Nếu không biết chỗ kho báu ở đâu thì không thể đến được, cho nên lại chỉ ra rằng như trên đã nói, pháp sâu xa mâu nhiệm bậc nhất cho đến chẳng phải bậc Nhất Thiết Trí thì không thể hiểu được, pháp này từ chỗ nào mà đắc? Chính là tự tâm hành giả mà thôi. Nếu quán sát như thật, chứng biết rõ ràng thì gọi là thành Bồ-đề, thật sự không do người mà ngộ, không phải từ người mà đắc.

#### **66. Hỏi đáp vì sao chúng sanh không được thành Phật:**

Hỏi: Nếu ngay nơi tâm là Đạo, vì sao chúng sanh luân hồi sinh tử,

không được thành Phật?

Đáp: Vì không biết đúng như thật. Cái gọi là phàm phu ngu ngơ nếu nghe pháp này thì sẽ tin chút ít, thức tánh hàng Nhị thừa tuy tự quán sát nhưng chưa biết đúng như thật, nếu tự biết đúng như thật thì khi mới phát tâm liền thành chánh giác, ví như nhà trưởng giả có người con nghèo khổ, nếu khi tự biết cha mình thì đâu còn là khách, đâu còn làm người thấp hèn? Bấy giờ, hành giả chân chính biết tướng thật của tâm, thấy tất cả pháp đều sâu xa mâu nhiệm, vô lượng vô số, không thể suy nghĩ bàn luận, không động, không nương, không đấm, đều không thật có, rốt ráo như tướng Bồ-đề, cho nên kinh lại nói Bí Mật Chủ là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cho đến pháp ấy một phần nhỏ cũng không thật.

Nghĩa Vô Thượng Chánh Biến Tri, trước đã nói xong.

Trong đây nói chút ít: Tiếng Phạm là A-nậu, tức là do bảy hạt bụi hợp thành, từ duyên sinh ra sắc rất nhỏ nhiệm, vì thế dùng làm ví dụ.

Nói pháp: lìa đây thì không có tướng tâm Bồ-đề, ngoài lại không có một pháp.

Trong kinh kể đến là nói: Nhân duyên rằng vì sao?

**67. Nói về tâm Bồ-đề:**

Tướng hư không là Bồ-đề, người không hiểu biết cũng chẳng mở mang hiểu biết. Vì sao? Vì Bồ-đề vô tướng. Ví như hư không trùm khắp tất cả mọi nơi, rốt ráo thanh tịnh, lìa tất cả tướng, không lay động, không phân biệt, không thể biến đổi, không thể phá hoại, vì những phần nhỏ tương tự như thế nên dụ cho tâm Bồ-đề vô tướng. Nhưng trong đó lại có Vô lượng, vô biên việc bí mật sâu xa, thật sự hư không ở thế gian không thể sánh được, mong người học giả, được ý quên lời.

Lại như hư không xa lìa luống dối phân biệt, cho nên không hiểu biết tướng, cũng không mở mang cho biết tướng, các Đức Phật tự chứng Tam-bồ-đề phải biết cũng như vậy, chỉ là tâm tự chứng tâm, tâm tự giác tâm, trong đó không có pháp hiểu biết, không có người hiểu biết, không có bắt đầu khai hiểu cũng không có người khai hiểu, nếu phân biệt ít phần năng sở giống như cát bụi thì tức là đã chấp tướng pháp là phi pháp, không lìa được ngã, nhân, chúng sinh, tuổi thọ, làm sao được gọi là Kim cang Tuệ.

**68. Kinh tự giải thích:**

Lại nữa, trong kinh tự chuyển giải thích, nói vì sao Bồ-đề Vô tướng? Như Thích Luận chép: Trí tuệ Phật thanh tịnh, ra ngoài các quán trên, không quán tướng thường, tướng vô thường, tướng hữu biên, tướng



vô biên, tướng hữu khứ, tướng vô thứ, tướng hữu, vô tướng, sinh diệt tướng, không sinh diệt tướng, vô tướng, tướng bất không của các pháp, thường thanh tịnh vô lượng như hư không, cho nên trí Phật vô ngại, nếu quán sinh diệt thì chẳng được quán không sinh diệt, nếu quán không sinh diệt thì không được quán sinh diệt; nếu sinh diệt là thật thì không sinh diệt chẳng thật, nếu bất sinh diệt là thật thì sinh diệt không thật, các pháp quán... đều như thế, vì tâm Bồ-đề thanh tịnh như thế, vượt ngoài các quán, xa lìa các tướng, đối với tất cả pháp được không quai ngại.

Ví như tướng hư không cũng vô tướng, muôn vật đều nương vào hư không, mà hư không chẳng có chỗ nương, muôn pháp như thế đều nương vào tâm thanh tịnh mà tâm thanh tịnh lại không có chỗ nương thì các pháp này, cũng lại như tướng Bồ-đề, cái gọi là tướng hư không thanh tịnh, do đó Kinh chép: Nay Bí Mật Chủ! Các pháp vô tướng nghĩa là tướng hư không.

### **69. Kim Cang Thủ bạch Phật:**

Bấy giờ, Kim Cang Thủ lại bạch Đức Phật rằng: Bạch đức Thế-tôn! Người nào tìm cầu Nhất thiết trí? Ai thực hành Bồ-đề thành chánh giác? Vị nào phát khởi trí Nhất thiết trí kia?

**Phật dạy:** Nay Bí Mật Chủ! Tự tâm tìm cầu Bồ-đề đạt đến Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bản tánh thanh tịnh, cho đến vô lượng công đức đều thành tựu.

Bấy giờ, Chấp kim Cang, nghe nghĩa Phật nói, tuệ Tát-bà-nhã chỉ là tự tâm, cho đến không có chút pháp nào ra ngoài tâm này, vì để cho chúng sinh đời vị lai dứt nghi ngờ nên hỏi Phật rằng, tâm Bồ-đề gọi là một bề chí cầu trí Nhất thiết trí, nếu trí Nhất thiết trí tức là tâm Bồ-đề thì trong đây ai là năng cầu, cái gì là sở cầu? Ai là được giác, ai là người giác.

### **70. Ngoài tâm không có pháp:**

Lại nữa, ngoài tâm đều không có một pháp, người nào phát khởi được tâm này? Khiến đến quả mẫu? Nếu pháp không có nhân duyên mà được thành thì tất cả chúng sinh lẽ ra cũng không nhờ phương tiện mà tự nhiên thành Phật, vì thế Phật đáp rằng tự tâm tìm cầu Bồ-đề và Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bản tánh thanh tịnh, tuy tướng thật tự tâm của chúng sinh chính là Bồ-đề, có Phật hay không Phật đều là trang nghiêm thanh tịnh, nhưng không tự biết đúng như thật, tức là vô minh, vì vô minh điên đảo chấp tướng, cho nên sinh ra các phiền não như sinh ái... do phiền não nên khởi các thứ nghiệp đi vào các đường, thọ các

thứ thân, chịu biết bao điều khổ vui, như tầm nhả tơ không có nguyên nhân, tự mình ra mà lại quán mình trong đó, chịu khổ đốt nấu, ví như nước sạch ở nhân gian, tùy theo tâm trời, quý, có loài cho là của báu, có loài cho là lửa, tâm mình tự thấy khổ, vui, do đó nên biết ngoài tâm không có một pháp.

Như hành giả Du-già, chân chính quán tướng thật ba pháp thì liền thấy tướng thật của tâm. Tướng thật của tâm, chính là Bồ-đề Vô tướng, cũng gọi là trí Nhất thiết trí, tuy lìa các nhân duyên, cũng chẳng có pháp nào không nhờ nhân duyên mà được thành tựu.

**71. Lăn lượt dùng phương tiện phân biệt giảng nói:**

Lại nữa, Thế-tôn muốn giúp chúng sinh biết tự tâm như thật, nên lăn lượt dùng phương tiện phân biệt giảng nói. Vì sao? Vì nếu chỉ nói tự tâm không sinh không diệt, vì không có nguyên nhân nên nghĩa là giải thoát, cho nên trước chỉ bày chỗ mê đắm kia.

**Kinh chép:** Tâm không ở trong, không ở ngoài, và ở giữa, tâm không thật có, như kinh Đại Bát-nhã, đem Vô lượng môn nhập vào tướng thật các pháp. Nay muốn nêu lên tông yếu ấy, chỉ quán trong ngoài mười hai xứ thì thu nhiếp tất cả pháp. Tâm của hành giả từ xưa đến nay, phần nhiều đối với pháp bên trong chấp trước tướng tâm, trước hết đối với sáu xứ... tức là lìa các phương tiện như tướng... mỗi pháp quán kỹ, tâm không thật có, vô sinh, vô tướng, không có nơi chốn. Lại khởi niệm rằng, tâm này ở ngoài ư? Lại ở ngoài sáu xứ đúng như thật quán sát, tâm cũng không sinh, vô tướng, không có nơi chốn, vẫn sợ sai lầm nên hiệp lại quán sát, ở giữa hai bên (trung gian) cũng không thật có thì ngộ thật tánh của tâm này, vốn tự không sinh không diệt, rốt ráo thường tịnh, mây nói rộng tan biến, ví như nhờ công năng của phèn nên nước lắng trong, nước trong nên ngọc hiện, chắc chắn không từ chỗ khác mà đến.

**72. Ngã chân thật không phải vàng, xanh, dài, ngắn:**

**Kinh chép:** Nay Bí Mật Chủ! Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải xanh chẳng vàng chẳng đỏ, chẳng trắng, chẳng hồng tía, chẳng phải màu thủy tinh, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng tròn, chẳng vuông, chẳng sáng, chẳng tối, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải nam nữ, trước tóm tắt tất cả pháp nói tướng thật của tâm rồi, nay lại tóm tắt Chân ngã để nói tướng thật của tâm. Xét nghĩa tông này, tức là lấy tâm làm Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cái gọi là Đại Ngã của nội tâm.

Như có một loại ngoại đạo, không hiểu tự tâm mà nói rằng: Tu

quán Chân Ngã sắc nó màu xanh, mọi người đã không thấy được, hoặc nói màu vàng, màu đỏ, hoặc nói trắng tươi, hoặc nói màu đỏ tím (cây yến chi), nay nói nghĩa là hồng tía, hoặc nói ta thấy Chân Ngã, tướng kia rất dài, rất ngắn, cho đến tướng như người nam... Chỉ có lời nói này là thật, ngoài ra đều là giả. Nhưng các tướng này, đều từ duyên sinh, không có tự tánh, làm sao gọi là Chân thật ngã được? Đối lại những thứ vọng chấp như thế, Đức Phật nói Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác không có những màu như xanh... Vì sao? Vì tướng xanh này không bao giờ sinh thì chẳng phải xanh, tướng thật của xanh không hư hoại, mà cũng chẳng phải không xanh, phải biết Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không có tướng chắc chắn để nói, cũng không lia các tướng như thế.

**73. Ngoại đạo cho các đệ tử sờ voi trong đêm tối:**

Như có ngoại đạo A-xà-lê, vào đêm trăng tối dẫn các đệ tử đến trước con voi lớn mà bảo rằng: Ta ở chỗ này chỉ bày chân ngã cho các ông.

Khi những người kia, hoặc dùng mắt nhìn, hoặc dùng tay sờ mó, họ nhìn hình tướng voi, rồi nói: Nay ta đã biết, Chân ngã ấy màu rất trắng, cao lớn.

Người sờ ngà voi thì nói: Chân ngã như ngọn giáo.

Người tai voi thì nói như cái ky, người sờ chân thì nói như cây cột, người sờ đuôi thì nói như sợi dây lớn, tùy theo sờ bộ phận nào đều cho là khác nhau, tuy lại càng phải quấy qua lại, nhưng cuối cùng không thể biết thể thật của con voi.

Nếu người tu Du-già, khi khai mở tâm đạo sáng suốt, soi thấy tâm vương Như lai. Như trong ánh sáng rực rỡ mắt thấy muôn vật thì không sinh tranh luận như thế.

**74. Tâm không đồng với tính chất của ba cõi:**

Kế lại nói: Bí Mật Chủ! Tâm không đồng tánh với cõi Dục, không đồng tánh với cõi Sắc, không đồng tánh với cõi Vô sắc, không đồng tánh với trời, rồng, Dạ-xoa, cho đến đồng tánh với các đường Nhân phi nhân, cũng là đối trị các vọng chấp, mà hiển bày tự tâm không thay đổi, cho nên nói tâm này đồng tánh với ba cõi; có các ngoại đạo cho rằng, tánh ta đồng với cõi Dục, hoặc đồng cõi Sắc, cõi Vô sắc, cho đến nói Phi tướng xứ tức là Niết-bàn, hoặc nói Phạm vương Tỳ-nữu thiên... sinh ra tất cả pháp. Nhưng ba cõi này, đều từ các duyên sinh ra, tìm tự tánh nó, đều không thật có, hướng chi khiến tâm tánh đồng với tánh của nó.

Kế là phân biệt rộng vô lượng các đường chúng sinh, mỗi lời nói đều không đồng tánh với kia. Giống như trong hư không mưa xuống

nước có tám tính chất tốt, một vị hoàn toàn trong sạch, tùy theo loại thọ dụng mà có các thứ khác nhau, hoặc cay, hoặc chua, hoặc nóng ấm, hoặc vẫn đục, nhưng tám tính chất tốt không đồng với kia, khi hết nóng hết đục thì trong mát như xưa, không hề thay đổi.

**75. Tâm ví như viên ngọc ma-ni tùy cảnh chung quanh mà có màu sắc khác nhau:**

Lại như ngọc ma-ni Chân-đà tự nó không có tướng chắc chắn, gặp vật nào thì đồng với màu sắc của vật đó, nhưng tánh báu của ma-ni Chân-đà không đồng với vật ấy. Nếu đồng tánh với kia thì khi sắc tùy duyên sinh diệt, tánh báu cũng nên sinh diệt.

Lại nữa, khi Đức Thế-tôn sắp muốn khai mở Đại bi thai tạng sinh Mạn-trà-la thì trước phải mở bày môn tướng thật của tâm. Vì sao? Như hành giả trong Bốn Tôn Tam-muội, nói có hiện những hình tướng nam nữ, cho đến Phổ môn thị hiện thân sáu đường sợ những người tu hành, không hiểu tâm nhân duyên sinh, đối với vật báu Chân tánh đứng đầu mà sinh lời nói suông, vì thế Phật dạy rằng: Như lai chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, cho đến tâm này không đồng tánh với ba cõi, sáu đường, nếu quán sát được như vậy thì không chướng ngại tâm Bồ-đề.

Lại kinh chép: Nay Bí Mật Chủ! Tâm thường trụ ở nhãn giới, không trụ ở nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới. Người không thấy không hiển hiện, trước nói không trụ ba chỗ, đã nhiếp tất cả pháp. Vì người chưa ngộ, lại mỗi pháp lần lượt phân biệt. Nếu tâm không đồng tánh với các đường thì trú ở nhãn giới... ư? Cho đến trụ ở ý giới hay sao? Nếu tâm trụ ở nhãn giới, nhãn từ các duyên sinh, tánh tướng tự không, chẳng có chỗ trụ, hướng chitướng thật của tâm trụ ở trong mắt, cho đến “ám”, “nhập” các pháp đều nên nói rộng.

**76. Không trụ chấp các pháp:**

Lại nữa, trước đã phá các thứ ngoại đạo, nay nói không trụ các pháp, vì phá chấp một bên của Thanh văn. Như trong Độc Tử A-tỳ-đàm chép: Ví như bốn đại hòa hợp có nhân pháp, năm pháp hòa hợp như thế có nhân pháp, nhân pháp này không thể nói trong tạng, mà nói với tất cả người có đạo rằng, trong tất cả pháp môn của thần thì tìm cầu không thật có.

Như lông rùa sừng hổ thường là không, nhưng “ám, giới, nhập” thật có tự tánh, do nói suông về pháp như thế nên không biết tâm kia, nếu quán được tâm, không trụ các pháp thì tâm không có chỗ hành, nói ruông đều hết, chẳng phải thấy, chẳng phải hiển hiện. Như có người nói tất cả chúng sinh vốn có tự tánh tri kiến Phật, chỉ khi nào cạo bỏ màng

che trong mắt thì sẽ tự thấy lý.

Hoặc có người nói: Thường lý ấy không thể tạo tác, chỉ khi vệt tan mây mù triền cái, mặt trời tự hiện ra, đều nói theo thế để mà thôi, nếu tâm Bồ-đề thanh tịnh, là pháp có thể thấy, có thể hiện thì đó là có tướng, hề cái gì có tướng thì đều là luống dối, làm sao thấy được Vô thượng Bồ-đề? Lại trong kinh tự nói Nhân duyên. Vì sao? Vì tướng tâm như hư không lìa các vọng chấp, cũng không phân biệt, giống như hư không thanh tịnh rỗng ráo, tất cả sắc tướng không thể làm nhiễm ô; tánh của tâm cũng như vậy, tất cả phân biệt không thể nhiễm ô, nếu không phân biệt tức là xa lìa tất cả tướng.

**77. Hư không chẳng nhớ tức là tâm:**

**Kinh nói:** Vì sao? Vì tánh đồng hư không, tức là đồng với tâm tánh, đồng với tâm tức là đồng với Bồ-đề. Cũng thế, này Bí Mật Chủ! Tâm, hư không, giới và Bồ-đề ba thứ không hai, những thứ này Bi làm gốc, đầy đủ phương tiện Ba-la-mật, các thứ như trên, nhập môn thanh tịnh, đều là nghĩa phát minh tự tâm cầu Bồ-đề. Nay lại kết thúc rằng hư không chẳng nhớ tức là tâm, tâm chính là tướng Bồ-đề, gốc của tướng đồng một tướng nhưng có ba tên, tức một tâm pháp giới này, tuy nhân duyên rỗng ráo không sinh, nhưng không hoại nhân duyên tướng thật do không sinh nên sẽ không có năng, sở khác nhau, do không hoại nên cũng lấy Bi làm gốc, phương tiện Ba-la-mật đầy đủ là nghĩa Trung đạo, rỗng ráo không thể suy nghĩ bàn luận.

**78. Vô lượng phương tiện đều để giúp Bồ-tát:**

**Kinh chép:** Bí Mật Chủ! Ta nói các pháp như thế, khiến các chúng Bồ-tát kia, tâm Bồ-đề thanh tịnh hiểu biết tâm kia, Phật đã chỉ bày tâm Bồ-đề thanh tịnh, lược nói ba câu (tâm Bồ-đề là nhân, đại Bi là gốc, phương tiện là rỗng ráo) làm đại tông đã xong, tức là nói chung từ đầu đến cuối một bộ, vô lượng phương tiện, đều là vì giúp các Bồ-tát, tâm Bồ-đề thanh tịnh hiểu biết tâm nào Thích-ca Như lai đã nói, phải biết tất cả Như lai trong ba đời mười phương, các thứ nhân duyên tùy nghi nói pháp đều là ba câu của pháp môn này, cuối cùng đồng trở về gốc chẳng khác dấu vết, cho nên nói ta thuyết các pháp như thế, cho đến hiểu biết tâm kia.

**79. Tướng thật của tâm:**

**Kinh chép:** Này Bí Mật Chủ! Làm sao biết tư tâm? Nghĩa là, nếu phân đoạn hoặc hiển sắc, hoặc hình sắc, hoặc cảnh giới, hoặc sắc, hoặc thọ, tướng, hành, thức, hoặc ngã, hoặc ngã sở, hoặc năng chấp, hoặc sở chấp, hoặc thanh tịnh, hoặc giới, hoặc xứ cho đến tất cả trong phân

đoạn, tìm cầu không thật có, Đức Thế-tôn trước đã nói rộng tướng ấy của tâm Bồ-đề thanh tịnh. Vì chúng sinh chưa thể đắc ý hiểu ra, lại thực hành phương tiện, nói đây chóng ngộ thành Phật nhập vào môn tướng thật của tâm, cũng chắc chắn hiểu rõ pháp của tất cả các Đức Phật trong mười phương ba đời. Như trong Đại tạng kinh, hoặc nói trong các Uẩn hòa hợp ngã không thật có. Hoặc nói các pháp từ duyên sinh đều không có tự tánh, đều là dần dần mở bày môn tướng thật. Kinh nói tướng thật các pháp chính là tướng thật của tâm trong kinh này. Tướng thật của tâm, chính là Bồ-đề, không còn có lý riêng.

**80. Chúng sanh không thể tự tin thành Phật:**

Chỉ vì chúng sinh phước mỏng, rồi lại không thể tự tin thành Phật, người tự tin thành Phật rất khó được, cho nên Thế-tôn dạy hãy làm cho các cấu chướng được thanh tịnh, dùng để giữ gìn tâm kia, vì muốn làm cho thời nghỉ khế hợp, sau đó vì họ nói ẩn tức tâm. Kinh này thì không như vậy, y cứ thẳng vào các pháp để hiểu biết tâm kia, cho nên là kho bí yếu.

Câu đầu nói nếu phân đoạn thì đó là nêu chung từ duyên sinh ra pháp, vì pháp đợi nhân duyên mới thành, chắc chắn có tướng khác nhau, hành giả phải biết quán sát như thế, nay trong phần đoạn này cái gì là tâm? Cho đến phân tích tìm cầu đều không thật có, tức là biết tâm này vượt ngoài các tướng, lia các nhân duyên và biết tâm tánh thường như thế.

**81. Hiện sắc hình sắc và cảnh giới:**

Bấy giờ, tất cả các pháp tự nhiên chẳng khác với tâm.

- Hiện sắc: là màu xanh, màu vàng...

- Hình sắc: là vuông, tròn...

- Cảnh giới: là sở đối của sáu căn, tức là sáu trần, để giúp người dễ hiểu, lại lần lượt quán sát các pháp, nay trong hiện, sắc hình sắc này cái gì là tâm? Sắc vốn chẳng phải tình, chẳng hiểu biết tướng, hướng chi ở trong đó có tâm để đắc, như hiện hình ấy, nên biết tất cả sắc trần cũng như thế, như sắc trần, cho đến thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như vậy. Hành giả ở ngoài trần thì trong tâm không thật có, lại quán ngũ uẩn trong thân, cũng như chùm bọt nước, hơi nóng bốc lên, cây chuối, huyễn hóa, tự cầu tánh thật còn chẳng thật có, hướng chi ở trong đó mà thật có tâm. Như thế từ thô đến tế, bỏ rộng theo lược, cho đến biết một niệm hiện tại. Cũng chẳng có thời gian dừng nghỉ.

**82. Tức không tức giả, tức trung:**

Lại nữa, từ các duyên sinh ra nên tức không, tức giả, tức trung.

Xa lìa tất cả nói ruông, cho đến mé “vốn bất sinh”, mé bất sinh tức là tâm thanh tịnh của tự tánh, tâm thanh tịnh của tự tánh tức là tự môn A, dùng tâm nhập tự môn A sẽ biết tất cả pháp, đều nhập tự môn A. Đã nói quán tưởng thật các pháp xong, kể là nói quán tưởng của ngã, cho nên nói ngã, hoặc ngã sở, hoặc năng chấp, hoặc sở chấp, hoặc thanh tịnh, như trên đối với các ấm, các thứ phương tiện quán tâm, còn không thật có, hưởng chi các pháp như nhân, ngã, thọ giả... từ xưa đến nay chỉ có giả danh, mà ở trong đó có tâm để đắc. Thanh tịnh tức là cái mà ngoại đạo chấp, chỗ rất thanh tịnh cho đó là Niết-bàn. Như Phạm chí Trường Trảo không thọ tất cả pháp, mà thọ kiến chấp, ở đây cũng như vậy. Chấp mắc trí tuệ quán không, mà nghĩ là thanh tịnh, liền đối với tưởng như thế, chính quán tự tâm không có chỗ sinh, được nhập tâm Bồ-đề thanh tịnh chân chính, ở trên rộng đối trị năm ấm, kể là lại nói mười tám giới, mười hai xứ, cho đến tất cả trong phân đoạn tìm cầu không thật có. Nghĩa ấm, giới, nhập, trong A-tỳ-đàm có nói rộng: Ba pháp này đã thấu nhiếp tất cả, lại nói trong tất cả phần đoạn tìm cầu không thật có, tức là trong Đại Bát-nhã... lần lượt nói rộng, Như trong ấm, giới, nhập phân tích để tìm tâm, thì tâm không thật có, phải biết trong sáu độ, muôn hạnh, cho đến tất cả môn Tổng trì Tam-muội, các thứ tìm cầu tâm cũng không thật có, vì tâm không thật có, nên tâm ấy thường, lạc, ngã, tịnh không có tướng thường, lạc, ngã, tịnh... cũng không thật có như vậy.

**83. Lại nữa, như các vị Thanh văn,** khi bắt đầu quán ấm, giới, nhập ngay nơi ấm mà tìm ngã, xa lìa ấm tìm ngã, đều không thật có, cùng nhau tồn tại cũng không thật có, bấy giờ vào thẳng trung đạo, xa lìa bụi nhơ, mất chánh pháp liên sinh. Bồ-tát tu môn Chân ngôn cũng giống như vậy, khi bắt đầu quán ấm, giới, nhập ngay nơi ấm tìm tâm, xa lìa ấm tìm tâm đều không thật có, cùng nhau tồn tại cũng không thật có, vì thế tức thời xa ngộ mé vốn không sinh của tự tâm, đối với Đại đạo Bồ-đề là tri kiến của Như lai, xa lìa bụi nhơ, đắc pháp nhãn thanh tịnh, nếu không thực hành phương tiện trước tiên như thế, lại từ xứ quán sát, mà chỉ nói tâm này trùm khắp tất cả mọi nơi rốt ráo vô tướng thì tất cả chúng sinh không nhờ đâu mà ngộ nhập.

**84. Phải biết pháp quán này là pháp môn rất quan trọng và sâu xa.** Như các Bồ-tát lìa phương tiện này, dần dần tu tập giới, định, tuệ, trong vô lượng kiếp, dùng các môn quán người, pháp đều không, còn chưa thể xa lìa hình bóng của tâm. Nay hành giả Chân Ngôn, khi mới phát tâm, quán thẳng tướng thật của tự tâm, biết rõ vốn bất sinh, ngay khi ấy người, pháp, nói rộng đều thanh tịnh như hư không, thành tự



nhiên giác, không nhờ người mới ngộ; phải biết pháp quán này, còn gọi là pháp môn đốn ngộ rõ đạo.

**Kinh chép:** Nay Bí Mật Chủ! Pháp môn làm thanh tịnh tâm Bồ-đề này gọi là pháp đầu rõ đạo. Bồ-tát trụ trong đây tu học, siêng năng khổ nhọc không lâu, liền đắc Tam-muội Trừ nhất thiết cái chướng, nhập trí tuệ Phật, có vô lượng phương tiện môn. Nay tông này, quả thật lấy thanh tịnh tâm Bồ-đề làm môn, nếu nhập vào môn này, tức là nhập vào tất cả cảnh giới của Như lai.

**85. Ví như Di-lặc, mở cửa lầu gác,** Đồng tử Thiện Tài thấy trong đó có vô lượng việc không thể suy nghĩ bàn luận, khó dùng lời diễn bày, chỉ có người nào nhập vào mới tự biết mà thôi. Pháp minh: là do tâm giác vốn bất sinh, trụ trong tâm thanh tịnh ấy sinh ra ánh sáng trí tuệ rực rỡ, chiếu khắp vô lượng pháp tánh, thấy con đường các Đức Phật đã đi, nên gọi là Pháp rõ đạo. Khi Bồ-tát an trụ trong Đạo này, từ nhân duyên vọng tưởng đã có nghiệp khổ phiền não, đều trừ diệt hết, được thanh tịnh.

**86. Ví như có người,** ở trong chỗ tối bị vật báu sắc nhọn làm tổn thương, nói là răn độc, vì nghĩ là độc nên tâm kia chấp trước, liền thành hơi độc nhập vào khắp tay chân thân thể, khi sắp qua đời, có thầy thuốc khám bệnh, biết được gốc ngọn của kia, ngay khi đó dẫn đến chỗ bị thương, dùng đèn soi sáng, còn thấy vật báu ở chỗ bị thương, có vết máu dơ, người kia biết không phải độc, hơi độc cũng tan, phân biệt khí cụ tốt đẹp sẽ sinh vui mừng.

Người tu hành cũng như vậy, do tâm Bồ-đề thanh tịnh chiếu sáng các pháp, nên ít dụng công sức, liền được Tam-muội trừ cái chướng, thấy tướng thật của tám mươi bốn ngàn phiền não, thành tám mươi bốn ngàn pháp môn báu nhóm, vì thế kinh chép: Bồ-tát trụ trong đây tu học, siêng năng gian khổ không lâu, liền được Tam-muội Trừ Nhất Thiết Cái Chướng, nếu được như thế thì ngang với các Đức Phật, Bồ-tát.

**87. Trong đó, có năm thứ Chướng:**

1) Phiền não chướng: Nghĩa là phiền não căn bản, cho đến tám mươi bốn ngàn thượng, trung, hạ phẩm chướng, che lấp tâm thanh tịnh và do thói quen chấp nghiêng lệch nhiều đời ngăn ngại cơ duyên chứng đạo không nhập vào Phật pháp.

2) Nghiệp chướng: là các tội nặng đã gây ra, cho đến chê bai kinh điển Đại thừa từ đời quá khứ cho đến ngày nay. Người đó dù có nhân duyên đắc đạo, nhưng do nghiệp chướng trước chưa dứt, nên các thứ nạn kéo giữ lại, không nhập vào Phật pháp.

3) Sinh chướng: là nếu người này được sinh vào chỗ tốt đẹp không có các nạn thì sẽ ngộ đạo, nhưng nường nghiệp trước lại thọ thân không lầm lỗi, vì báo sinh tức là chướng làm cho không được nhập vào Phật pháp.

4) Pháp chướng: là người này đã được chỗ sinh không chướng, lại có căn cơ ngộ đạo, nhưng do đời trước có các duyên chướng pháp, nên không gặp bạn lành, không nghe chánh pháp.

5) Sở tri chướng: là người này được gặp Thiện tri thức, được nghe chánh pháp, nhưng có hai thứ nhân duyên không hòa hợp, chướng ngại tu Bát-nhã ba-la-mật, như trong Đại phẩm ma sự có nói rộng.

Cũng là đời trước, hoặc có sai hóa đạo cơ sai lầm nên ưa sinh chướng này. Hành giả đã trừ sạch được năm chướng Tam-muội, bấy giờ trong tự tâm, thường thấy tướng nhiệm mầu trong sáng của tất cả các Đức Phật trong mười phương, như nhìn thấy gương sáng, cho đến trong các oai nghi đi, lại, ngủ, thức, đều không lìa nhân duyên thấy Phật như thế.

**88. Bấy giờ, các bậc Thánh thường dùng phương tiện cao quý nhiệm mầu giúp khởi tâm ngộ kia,** các bậc Thánh dùng phạm âm an ủi dẫn dắt để dứt lưới nghi, hành giả hãy nghe được liền vui theo với sự ngộ rồi, lưới chướng tiêu trừ theo, không lâu thành tựu tất cả pháp Phật, vì thế nói nếu được Tam-muội này, liền ngang hàng với các Đức Phật, Bồ-tát. Phải biết người tu hành thì địa vị đồng với bậc Đại giác, do tâm họ tự giác, liền được danh hiệu là Phật, nhưng địa vị không rõ rệt diệu giác Đại Mâu-ni. Ví như trăng sáng tuy thể không thêm, bớt nhưng cũng dần dần sáng thêm, cho đến ngày mười lăm, mưa nước mới dâng.

**89. Lại hành giả còn trụ ngang với Như lai,** có khả năng dùng năng lực phương tiện khởi năm thứ Thần thông, bản tâm không động mà vẫn đến được các cõi Phật, hiện các thứ thân, miệng, ý, nổi các loại mây cúng dường, dùng đại nguyện vô tận rộng tu các độ.

Lại nhờ ý căn thanh tịnh, nên được hiểu rõ vô lượng lời nói âm thanh Đà-la-ni, như ba mươi sáu câu-chi các đường trong một thế gian, tùy theo chủng loại tánh thượng trung hạ kia, bao nhiêu lời nói phong tục ở địa phương, đều khác nhau, đều hiểu chỉ thú của họ, nên dùng âm thanh tùy theo từng loài, như một thế giới, tất cả thế giới cũng giống như vậy.

**90. Tiếng Phạm là Lỗ-đa:** nghĩa là tiếng lớn, La-vĩ-đa: là tiếng nhỏ, Niết-cù-sam: là tiếng dài, lại bao gồm nhiều tiếng. Sở dĩ nói đầy đủ, vì muốn nói lên cảnh giới Tổng trì không chỗ nào không hiểu rõ,

đối với văn tự Trung quốc khó phiên dịch được đầy đủ. Do đặc Đà-la-ni, nên biết được tất cả tâm hành của chúng sinh, nghĩa là chúng sinh như thế, tâm hành nặng mà tánh tham nhẹ, chúng sinh như thế nặng về tánh tham, sân nhẹ, cho đến tướng thông suốt, bít lấp có vô lượng khác nhau.

Như đạo chủng trí trong Thích luận có nói rộng, là Bồ-tát, không những ý căn biết được, mà cho đến thấy, nghe, ngửi, xúc chạm (nhãn, nhĩ, tỷ, thân căn) cũng đều dùng lẫn nhau không chướng ngại, lại quán sát được căn duyên kia để dứt cái, chướng, dùng các thứ phương tiện thành tựu chúng sinh, trang nghiêm cõi Phật, làm việc Như lai. Phải biết hành giả môn Chân ngôn, cho đến một đời được thành tựu.

**91. Lại nữa, như trên đã nói các công đức,** tất cả chúng sinh thấy đều như bản tánh kia, tất cả đều có, nhưng vì vô minh ngăn che không tự biết rõ, nên chưa thể khởi phát năng lực thần thông bí mật, nay các Bồ-tát tu hành môn Chân ngôn này, để thấy Pháp rõ đạo, liền sinh được Tam-muội Trừ nhất thiết cái chướng, liền đồng trụ với các Đức Phật, Bồ-tát, phát sinh năm thứ Thần thông, đem năm thứ Thần thông, đầu hoạch, giữ gìn tất cả, lời nói của tất cả chúng sinh đạt được Đà-la-ni này, nên có thể biết tâm hành của tất cả chúng sinh mà làm Phật sự, vì rộng làm Phật sự nên không cắt đứt hạt giống trí Như lai, bất cứ lúc nào bất cứ ở đâu, thường được các Như lai trong mười phương che chở; giống như trẻ nhỏ mới sinh tình thương cha mẹ nghiêng nặng thường không xa lìa; phải biết các “câu” như thế, thấy đều lần lượt được giải thích.

**92. Lại nữa, hành giả,** do bên trong đầy đủ các công đức như trên, bên ngoài được các Đức Phật che chở, cho nên trong chốn sinh tử mà không đắm nhiễm, giống như hoa sen mọc lên khỏi mặt nước, không bị bùn dơ làm ô nhiễm, thường dùng phương tiện bốn pháp nhiếp nhỏ gốc khổ cho chúng sinh, cho đến vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ kiếp thường ở trong địa ngục Vô gián, thân tâm tinh tấn hăng hái không dứt, không có lui sụt, không từ mệt nhọc. Vì sao? Vì tâm Bồ-đề thanh tịnh, tánh ấy pháp vốn thế, như Kim cang, tánh rất bền chắc như thế, tức là không từ thầy mà đặc, vô trụ là giới, không dơ không đục, không thể phá hoại.

**93. Giới,** tiếng Phạm là Thi-la, nghĩa là trong mát, thí như tánh nước thường mát, dù gặp nhân duyên củi lửa có thể đốt cháy các vật, nhưng tự tánh kia không bao giờ thay đổi, nếu lấy củi ra, tắt lửa thì tự nhiên trong mát như cũ. Hành giả chân ngôn cũng như vậy. Khi đạt được Tam-muội Trừ cái chướng thì bản tánh của tâm chính là Thi-la,

chẳng phải pháp tạo tác, không do người mà được, do đó nói trụ giới Vô vi, như giới Thanh văn thanh tịnh, cần phải do bạch tứ yết-ma và các duyên đầy đủ, mới được sinh, lại phải phương tiện giữ gìn như ngăn ngừa gai nhọn, một ngày nào đó tuổi thọ đã hết, giới cũng mất theo. Giới này thì không như thế, sinh về thế giới nào thì giới này thường sinh theo, không nhờ thọ trì mà thường không mất phạm, lại do trụ ở giới này, thật trí thêm sáng suốt, khi thấy duyên Trung đạo sâu xa không thể suy nghĩ bàn luận sinh khởi thì ngăn cấm tám đảo điên, lìa bỏ hai bên, cho nên kinh kể đó nói: Xa lìa tà kiến, thông đạt chánh kiến, Ca-diếp cũng nói, từ đây trở về trước, chúng ta đều gọi là người tà kiến.

**94. Trong đó trí tuệ không chân chánh cho nên gọi là tà kiến.** Do phàm phu, Nhị thừa, không thể xét chọn tướng thật của tự tâm chánh tri đối với lý chắc thật, cho đến “không” nói là bất không, bất không nói là không, không thấy các vị Phật xưa đã thực hành đạo Đại Bồ-đề, nay Bồ-tát này, dùng tâm soi thấy Minh Đạo, do đó ngay lúc ấy trí tuệ phát sinh không chướng ngại, đối với tất cả pháp, thấy đều hiện ra trước mắt, thông đạt không bị nhầm lẫn, giống như người có mắt sáng, ở trong ánh sáng mặt trời nhìn thấy các màu, dù vô lượng thiên ma, thấy đều hóa thành thân Phật, đều nói Tương tự Ba-la-mật, không hề lay động một chút nào lười nghi ở tâm kia, vì thế kinh lại nói: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Do năng lực tín giải của Bồ-tát trụ ở tam muội Trừ nhất thiết cái chướng này, siêng năng tu tập không lâu sẽ đầy đủ tất cả Phật pháp, vì chánh kiến như thế giống như kim cương, tức là năng lực tín giải vững chắc trên hết.

**95. Nương vào đây tiến tu như thật khéo qua,** được năng lực vô sở úy, giải thoát Tam-muội của các Đức Phật, cho đến vô lượng Phật pháp thấy đều thành tựu. Long Thọ cho là như người đúc luyện đồ kim loại, dùng các thứ phương tiện làm tiêu tan khoáng vật, sau đó mới thành vàng. Nếu người có thần thông, có thể khiến cho các loại đất, gỗ liền thành thể vàng, cho nên nói: Siêng năng tu tập không lâu liền được đầy đủ tất cả Phật pháp, vì khi Bồ-tát này mới phát tâm liền gọi là Phật, công đức chân thật không thể đo lường.

Dù cho Như lai trong vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ kiếp phân biệt giảng nói cũng không thể hết, cho nên Phật dạy: Nói theo chỗ chính yếu thì thiện nam, thiện nữ vô lượng công đức đều thành tựu, bấy giờ, Chấp kim cương Bí Mật Chủ lại dùng kệ thưa hỏi Đức Phật, cho đến không biết các không, không thể biết Niết-bàn kia, cho nên phải hiểu rõ không xa lìa đoạn thường, như trên Phật dạy đại ý chủ yếu của kinh, pháp môn

tướng thật của tâm lược đã khắp đủ.

**96. Bảy giờ, Kim Cang Thủ,** vì khiến chúng sinh đời tương lai đầy đủ phương tiện không còn nghi ngờ nên dùng kệ hỏi Phật, thỉnh Đức Thế-tôn giảng nói nghĩa ấy. Trong đó lược có chín câu. Vì sao nói Đức Thế-tôn nói tâm này sinh Bồ-đề? Tức là tâm Bồ-đề sinh.

Thứ nhất: Như các kinh Hoa Nghiêm... rộng khen ngợi công đức phát tâm Bồ-đề, nay ở trong đây, hỏi thẳng mật ấn của tâm, làm sao hiểu rõ hạt giống trong tâm Bồ-đề này phát sinh, đã phát sinh rồi tánh kia thế nào?

Câu thứ hai nói: Lại lấy tướng thế nào để biết phát tâm Bồ-đề?

**97. Tướng:** nghĩa là tánh thành ở bên trong, chắc chắn có bóng dáng ở bên ngoài, như trong Bát-nhã nói rộng tướng mạo A-bệ-bạt-trí (bất thoái chuyển). Nay trong đây cũng hỏi khi tâm Bồ-đề sinh, có tướng mạo gì?

**Kinh chép:** Xin biết tâm tâm thù thắng tự nhiên trí sinh: là như thật khen ngợi công đức của Phật, xin khai giảng nghĩa của hai câu trước. Trước hết nói thức tâm là trí do tâm tự hiểu biết, sau lại nói tâm, tức là tướng thật của tâm, ý nói cảnh trí đều mâu nhiệm không hai không khác, do đó nói lập lại. Trí Tự nhiên: tức là thường trí của Như lai, chỉ là tâm tự chứng tâm, không do người mà ngộ, ý nói Phật đã ở trong thức tâm loài người biết tâm là bậc nhất, chắc chắn biết được tâm Bồ-đề phát sinh và tướng thanh tịnh nhiệm mâu của nó, cúi mong giảng nói.

Câu thứ ba nói: Đại Động Dũng bao nhiêu thứ lớp tâm tiếp tục sinh? Đại Động Dũng, tức là tên khác của Phật, khen ngợi công đức mà lại nêu câu hỏi, có bao nhiêu tâm thứ lớp mà được tâm.

Câu thứ tư, thứ năm nói: Các tướng của Tâm và thời gian xin Phật giảng nói rộng: Hỏi: Các tướng khác nhau của tâm này, nối nhau tiến lên, trải qua bao nhiêu thời gian, mà được rốt ráo tâm Bồ-đề thanh tịnh.

Câu thứ sáu nói: Nhóm công đức cũng như thế, nói tâm là công đức mâu nhiệm, cũng xin Đức Thế-tôn giảng nói rộng, cho nên nói cũng như thế.

Câu thứ bảy nói: Người thực hành tu hành kia kế là hỏi phải tu hạnh nào, làm sao tu hành để đạt được Vô thượng Tất-địa cũng chia làm hai câu.

Câu thứ tám và thứ chín nói: tâm tâm có khác nhau, chỉ có Đại Mâu-ni nói, nghĩa là thức tâm Dị thực của chúng sinh khác với tâm của hành giả Du-già, cũng xin Đức Thế-tôn nói rộng. Mâu-ni: nghĩa là vắng

lặng, ý nói thân, ngữ, tâm của Phật đều rớt ráo vắng lặng tội lỗi của đất lời nói, vì đối với hàng Nhị thừa vắng lặng chưa hoàn toàn không thể làm ví dụ, cho nên nói là Mâu-ni.

**98. A-xà-lê nói:** Chín câu như vậy có thể chia làm mười câu, từ đây về sau cho đến cuối kinh đều là Như lai trả lời ý của chín câu hỏi, phân biệt nói rộng, nhưng Phật quán chúng hội lúc ấy, cốt phải được ý tìm tông, hoặc hỏi ở sau, đáp ở trước, vẫn không có tiêu chuẩn chắc chắn, kể là hoặc chuyển sinh nghi để hỏi, dùng hết nguồn dòng, như văn dưới đây nhập đại Bi Tạng Mạn-trà-la... tức là trả lời câu tu hành.

Bách tự quả... tức là trả lời tâm khác nhau và câu công đức, còn các câu khác hễ có chỗ tương ứng thì đều dùng loại để quán, nghĩa có thể biết. Kể là Như lai trả lời trong bài kệ của Kim Cang Thủ. Lành thay! Người đệ tử chân chính của Phật tâm lợi ích rộng lớn, do từ chủng tánh Như lai sinh ra, từ thân, ngữ, tâm Phật sinh ra, cho nên nói đệ tử chân chánh, như Đức Thế-tôn Đại Nhật ở trước hiện cảnh giới gia trì rộng lớn, nay Bí Mật Chủ cũng muốn độ khắp vô lượng chúng sinh nên độ như thế, khiến cho mau thành đại hạnh, xé rách màn lưới nghi lớn. Vì lợi ích vô lượng chúng sinh cho nên nêu câu hỏi như vậy.

**99. Lại nói thặng thượng Đại thừa cú,** tương nối nhau sinh của tâm, các Đức Phật Đại bí Mật, ngoại đạo không thể biết. lược có bảy nghĩa cho nên nói là Đại thừa:

1. Dĩ pháp đại, là kho bí mật sâu xa mâu nhiệm của các Đức Phật, Tỳ-lô-giá-na trùm khắp tất cả mọi nơi, là chỗ nương của bậc Đại nhân.

2. Phát tâm đại, một bề chí cầu Đại tuệ bình đẳng, khởi bi nguyện vô tận, thế sẽ trao khắp cho chúng sinh trong pháp giới.

3. Tín giải đại, là khi mới thấy Tâm rõ đạo đầy đủ vô lượng công đức, có thể đến khắp hằng sa cõi Phật, dùng đại sự nhân duyên thành tựu chúng sinh.

4. Dĩ tánh đại, là kho báu kim cang trong tâm thanh tịnh của tự tánh, không có thiếu giảm, tất cả chúng sinh đều có.

5. Y chỉ đại: nghĩa là cỗ xe nhiệm mầu như thế, chính là chỗ rộng lớn cho chúng sinh trong pháp giới nương ở, ví như trăm sông chảy về biển, cỏ cây nương đất mà sống.

6. Dĩ thời đại: Nghĩa là tuổi thọ lâu dài vượt hơn ba thời. Dụng lực thần thông bí mật hăng hái của sử tử, chưa hề dừng nghỉ.

7. Dĩ trí đại: nghĩa là các pháp vô biên bằng với hư không tâm tự nhiên, diệu tuệ cũng lại vô biên, cùng tận nguồn gốc tướng thật, ví như



cái hộp và nắp xúng nhau, do bầy lý do như thế, nên trong các pháp môn Đại thừa giống như Đê hồ thuần vị bậc nhất, vì thế nói là tối thắng Đại thừa. Thừa là tiến tới, cú là chỗ dừng nghỉ, do đó nói là Đại thừa Cú.

Tướng nối nhau của tâm: Tuy tâm này rất tốt ráo thường tịnh, giống như hư không lia tất cả tướng, nhưng cũng từ nhân duyên khởi, có tướng của tâm sinh, giống như sóng mồi của biển lớn, không phải thường có cũng không phải thường không; nếu là thường có thì không phải gió dữ dừng thổi là lặng trong yên ổn, nếu thường không thì lẽ ra gió dữ thổi cũng không nổi sóng, phải biết tâm ấy từ duyên khởi, tức là không sinh mà sinh, sinh mà không sinh, tướng trong vô tướng, tướng thường vô tướng, sâu xa mâu nhiệm khó có thể biết rõ, ẩn bí mật của các Đức Phật không vọng chỉ bày, cho nên phàm phu, Nhị thừa, hai thứ ngoại đạo, chẳng những không biết tâm vô sinh diệt, mà cũng không biết tâm sinh diệt, vì thế nói Bí mật lớn của các Đức Phật, ngoại đạo không thể biết. Nay ta đều mở bày nên nhất tâm phải nghe cho kỹ. Kế là kệ nói.

**100. Vượt một trăm sáu mươi tâm sinh công đức rộng lớn,** tánh kia thường vững bền. Biết kia Bồ-đề sinh: Là đáp sơ lược câu hỏi ban đầu làm sao biết tâm Bồ-đề sinh, nay Đức Phật bảo rằng, vượt một trăm sáu mươi tâm nối nhau, tức là tâm Bồ-đề thanh tịnh, như có người hỏi làm sao biết trong sữa này sinh ra đề hồ, đáp rằng nếu sữa bò thành bơ chín, tướng thô đục thay đổi, đều đã hòa tan khéo léo không còn cặn dơ, phải biết tức là Bồ-đề sinh. Khi hành giả mới khai mở kho báu kim cang thì thấy tâm tánh ấy như hư không thanh tịnh, vượt các số lượng.

Bấy giờ, lia nhân sinh nghiệp, mầm cây Phật sinh, khi mầm này sinh, đã trùm khắp pháp giới, huống chi cành, lá, hoa, quả, cho nên nói sinh công đức rộng lớn; do vượt qua tâm hành nói rộng, nên không thể phá hoại, không thể xoay chuyển, giống như vàng ở cõi Diêm-phù-đàn không thể nói tánh chất xấu của nó, cho nên nói tánh kia thường bền vững, nếu biết tự tâm có ẩn như vậy, phải biết đó là Bồ-đề sinh.

Kế là nửa bài kệ đáp sơ lược đáng mạo tâm Bồ-đề, do thế gian không còn pháp nào, có thể đem biểu thị tướng tâm Bồ-đề thanh tịnh, chỉ trừ hư không rộng lớn ví dụ chút phần tương tự, cho nên nói vô lượng như hư không, ví như hư không bị khói mây bụi mù làm ô nhiễm, tánh kia thường trú, lia các nhân duyên, dù cho tám phương gió thổi hết thế gian, cũng không thể khiến kia lay động, từ gốc ban đầu đến nay thường tự vắng lặng vô tướng, không thích hợp với ngày nay, tâm tướng cũng



giống như vậy, từ vô thí đến nay vốn tự bất sinh, do vốn tự bất sinh, nên không có một pháp nào làm nhiễm ô, lay động, thường trụ bất biến, thường tịnh vô tướng.

**101. Cho nên nói:** Không nhiễm ô thường trụ, các pháp không thể động, xưa nay vắng lặng vô tướng. Bây giờ, người tu hành được ánh sáng vắng lặng này soi chiếu, vô lượng trí kiến tự nhiên khai phát, như hoa sen nở, cho nên nói vô lượng trí thành tựu, trí thành tựu này là tâm Phật Tỳ-lô-giá-na hiện ra trước, do đó nói Chánh đẳng giác hiện bày, tiếng Phạm nói là Tam-miệu Tam-phật-đà Bồ-đề hiện.

Phật đã nói lược về ấn tướng thật của tâm như thế, nếu hành giả tương ứng với đây thì phải biết đã đầy đủ sức tín vững chắc, nhưng sức tín này, vốn từ thực hành pháp môn Chân ngôn cúng dường nghi quỹ, như lời dạy tu hành được đến tâm Bồ-đề thanh tịnh, cho nên nói cúng dường hạnh tu hành, từ đây mới phát tâm.

**102. Cúng dường ở đây có hai thứ:**

1. Cúng dường bên ngoài .
2. Cúng dường bên trong.

Văn dưới sẽ nói rộng. Hoặc có chỗ nói rằng, chỉ quán tâm tánh vô tướng vô vi, không nên lăng xăng hành đạo Bồ-tát nhiều thứ loạn động, đây là nói không đúng, như dùng bốn thứ bất sinh quán sát tánh vàng trong quặng, tuy là xét nhân xét quả, thường tự không bớt không thêm, nếu không dùng phương tiện hòa tan cặn dơ thì vàng bất sinh này không do đâu mà được, người tu hành cũng vậy, nếu không dùng ba thứ phương tiện bí mật cúng dường hạnh môn, tiêu dung một trăm sáu mươi tâm, và chất nhơ trong quặng thì làm sao lấy được tâm Bồ-đề thanh tịnh này; Trung đạo chánh quán của A-xà-lê Long Thọ, chính là từ duyên khởi, nên nghĩa Vô sinh thành tựu, nhưng ngài nói lông rùa sừng thỏ là vô sinh, thế nên rơi vào chỗ lỗi.

**103. Lại như ở đời thấy vàng thật gia công** trăm lần cũng không thay đổi, cho là diệu tánh tốt cùng, như vị Tiên chứng được năm thứ thông, dùng các vị thuốc, chế biến bằng mọi cách, có khả năng hóa các loại đất đá thủy đều thành vàng báu, họ có phép dưỡng sinh của Đạo gia, tuổi thọ dài lâu, thần biến vô phương. Phải biết trong tánh vàng thật, tự có lực dụng như thế, chỉ vì người đời không có phương tiện bí mật nên không thể được mà thôi.

Tâm Bồ-đề thanh tịnh, nếu dùng đại bi muôn hạnh, các cách trau dồi thì được thành tựu sự nghiệp thần biến gia trì không thể suy nghĩ bàn luận, vì thế không nên chưa được nói được, cho sơ tâm là quả cuối

cùng.

**104. Kinh dạy:** Bí Mật Chủ! Phàm phu như đứa trẻ ngu sinh tử từ vô thủy, chấp đắm ngã gọi là ngã hữu, phân biệt vô lượng ngã phần. Nay Bí Mật Chủ! Nếu kia không quán tự tánh của ngã thì ngã và ngã sở sinh khởi: Dưới đây trả lời nghĩa tâm nối nhau. Muốn nói nguyên nhân đầu tiên tâm thanh tịnh sinh khởi, trước hết phải nói tâm trái lẽ của phàm phu như đứa trẻ ngu .

Vô thủy sinh tử: Luận Trí Độ chép: Thế gian hoặc chúng sinh, hoặc pháp đều không có chỗ bắt đầu. Trong kinh Đức Phật dạy: Vô minh che ngăn, ái buộc ràng, sinh tử qua lại, chỗ bắt đầu không thật có, cho đến Bồ-tát quán chỗ bắt đầu cũng không, nên không rơi vào kiến chấp thấy có chỗ bắt đầu. Ngu đồng: nghĩa như trước đã nói. Phàm phu, dịch đúng nên nói là Dị sinh, nghĩa là do vô minh, theo nghiệp thọ báo không được tự tại, đọa vào trong các đường, sắc tâm hình loại mỗi mỗi khác nhau, vì thế nói là Dị sinh. Chỗ chấp ngã ấy, chỉ có lời nói mà không có sự thật, cho nên nói chấp trước ngã danh. Nói ngã hữu tức là ngã sở. Ngã, ngã sở chấp như thế, giống như sáu mươi tri kiến, tùy việc khác nhau, vô lượng không đồng, nên gọi là phần.

**105. Kế là giải thích lý do lưỡng đối phân biệt,** vì thế gọi là Bí Mật Chủ, nếu kia không quán tự tánh của ngã thì ngã và ngã sở sinh khởi, nếu kia quán sát các uẩn đều từ các duyên sinh, trong đó cái gì là ngã? Ngã trụ chỗ nào? Tướng uẩn ở đâu? Nếu tìm kỹ như thế, sẽ được cái thấy chân chánh nhưng kia không tự quán sát, chỉ xoay vần nhận lãnh từ người truyền trao, từ xưa đến nay noi theo kiến chấp này, nói là ngã ở trong thân, có sự tạo tác và nuôi lớn, thành tựu các căn, chỉ có đây là đạo rốt ráo, ngoài ra đều là nói dối, vì thế gọi là ngu đồng.

**Kinh chép:** Lại chấp có thời: nghĩa là chấp tất cả sự tốt xấu trong trời đất đều lấy thời làm nhân, như kệ kia nói: Thời đến chúng sinh thuần thực, thời đến thì thôi thức, thời có công năng giúp người giác ngộ, vì thế thời là nhân.

Lại có người nói: Tuy tất cả người, vật chẳng phải do thời tạo tác, nhưng thời đúng là nhân không thay đổi, là pháp thật có, vì nhờ nhiệm cho nên không thấy được; y theo hoa quả... có thể biết có thời. Vì sao? Vì thấy quả biết có nhân Pháp, bấy giờ thời không hoại cho nên thường, cũng vì không quán tự tánh của thời, nên sinh ra vọng chấp như vậy.

**106. Kinh chép:** Đất... biến hóa: nghĩa là đất nước, lửa, gió, hư không, mỗi mỗi có người chấp là chân thật, hoặc nói đất làm nhân cho muôn vật, tất cả chúng sinh muôn vật, nương vào đất mà được sống, do

không quán tự tánh của đất, chỉ trừ các duyên hòa hợp có, mà sinh sự hiểu kiến chấp như thế, cho là cúng dường đất, sẽ được giải thoát. Kế là có chấp: Nước có thể sinh ra muôn vật, lửa, gió cũng giống như vậy; hoặc chấp muôn vật từ không mà sinh, nói không là nhân của chân giải thoát, phải nên cúng dường kính thờ, đều nên nói rộng.

**107. Kinh chép:** Du-già ngã: Nghĩa là người học Định, Chấp lý tương ứng trong tâm này, cho là chân ngã, thường trụ bất động, chân tánh vắng lặng, chỉ có đây là con đường rốt ráo, xa lìa nhân quả, không quán tự tánh của tâm, kiến chấp như thế sinh, cho là Chân ngã, chỉ trụ lý này thì gọi giải thoát.

**Kinh nói:** Kiến lập tịnh, không kiến lập vô tịnh: Trong đây có hai thứ chấp: Câu trước nói có kiến lập tất cả pháp, nương đây tu hành gọi là Tịnh, câu tiếp theo này nói kiến lập pháp chẳng rốt ráo, nếu không kiến lập gọi là vô vi, chính là Chân Ngã, cũng xa lìa chỗ tu của Tịnh ở câu trước, vì thế nói Vô tịnh, do không quán tự tánh của ngã, có sinh sự hiểu biết như thế, nói rộng như trên.

**Kinh chép:** Hoặc trời Tự tại, hoặc lưu xuất kịp thời: Nghĩa là có một hạng ngoại đạo chấp trời Tự tại là thường, tự tại ấy có khả năng sinh ra muôn vật. Như trong luận Thập Nhi Môn có vấn đề rằng, nếu chúng sinh là con của trời Tự tại thì trời Tự tại chỉ nên đem vui ngăn khổ, không nên cho khổ, cũng nên chỉ cúng dường tự tại thì diệt khổ được vui, nhưng thật ra không phải như vậy, chỉ tự mình tạo nhân duyên khổ hoặc vui mà tự thọ báo, không phải trời Tự tại làm ra.

Lại nếu tự tạo thành chúng sinh thì người nào tạo thành trời Tự tại này? Nếu Tự tại tự tạo thành thì không đúng; như vật không tự tạo ra, nếu lại có sự tạo ra thì không gọi là Tự tại. Như luận ấy nói rộng. Chấp lưu xuất: đồng với kiến lập Đại, kiến lập như từ tâm xuất ra tất cả pháp; lưu xuất trong đây như từ bàn tay xuất ra tất cả pháp; như người thợ gốm rèn luyện, đắp các chỗ không hở, sinh ra các hình dạng nhau. Kế đến là nói thời: Cùng thời ở trước, ngoại đạo chấp hơi khác, đều là chủng loại trời Tự tại.

